

Việt Nam vi phạm các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá

Báo cáo Phụ khuyết về sự thi hành
Công Ước LHQ về các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa
tại Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam



Báo Cáo Chung
của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền làm Người Việt Nam (VCHR)
và Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền (FIDH)

Geneva, 10 tháng 11 năm 2014

Nội Dung

Dẫn Nhập.....	3
Mối Quan Tâm Chính Yếu :	
Sự Chênh Lệch Giàu Nghèo và Bất Bình Đẳng Xã Hội Gia Tăng	4
Khung Luật Pháp : Sử Dụng Luật Pháp Để Hạn Chế Nhân Quyền.....	6
Sự Thi Hành Công Ước Quốc Tế Về Các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa.....	9
Điều 1 : Quyền Tự Quyết.....	9
Điều 2 : Không Kỳ Thị	11
Các Điều 6 & 7 : Quyền Làm Việc và Quyền Được Hưởng những Điều Kiện Làm Việc Công Bằng và Thuận Lợi.....	13
Điều 8 : Quyền Công Đoàn.....	17
Điều 11 : Quyền được hưởng mức sống thích đáng.....	18
Các Điều 12 & 13 : Quyền chăm sóc Y Tế và Giáo Dục	22
Điều 15 : Các Quyền Văn Hóa.....	26
Những nghĩa vụ lãnh ngoại của Việt Nam chiếu theo Công Ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR)	31
Các Khuyến Cáo.....	31
Về Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam.....	36

FIDH

17 passage de la Main d'Or, 75011 Paris, France, - geneva@fidh.org



Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam

Vietnam Committee on Human Rights / VHCR

BP 60063 Boissy Saint Léger cedex, France, www.queme.net –
vietnam.committee@gmail.com

Những Vi Phạm Về Các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa tại Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Báo Cáo Phụ Khuyết tại Khóa Họp Thứ 53
của Ủy Ban về Các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa (CESCR)
đối chiếu Báo Cáo Tổng Hợp từ lần Thứ Nhì Đến lần Thứ Tư của Việt Nam

Liên Hiệp Quốc, Geneva, Tháng Mười Một 2014

Dẫn Nhập

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền làm Người Việt Nam (Vietnam Committee on Human Rights : VCHR) và Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền (International Federation for Human Rights : FIDH) đón nhận báo cáo do Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đệ trình về sự thi hành Bản Công Ước Quốc Tế về Các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa (International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights – ICESCR) tại Việt Nam.

Tuy nhiên, hai tổ chức chúng tôi tiếc rằng, theo lệ thường, các Quốc gia ký kết Công Ước có nghĩa vụ chiếu các điều 16 và 17 của Bản Công Ước là phải đệ trình các báo cáo định kỳ lên Ủy Ban, Việt Nam đã không hề đệ nạp một báo cáo nào trong 21 năm qua. Sau khi tham gia ký kết ICESCR hồi Tháng Chín 1982, báo cáo đầu tiên của Việt Nam mới chỉ đệ nạp lần đầu năm 1993. Báo cáo tổng hợp hôm nay gộp chung lần báo cáo thứ nhì cho đến lần báo cáo thứ tư, trải qua khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 2008, gia tăng một số sự kiện được cập nhật hóa cho đến năm 2010.

Báo cáo đệ nạp của Việt Nam do đó không chỉ trễ hạn quá lâu, mà còn bị quá hạn. Phần lớn thông tin trong báo cáo đã lỗi thời. Sự tham chiếu đến các điều khoản của Hiến Pháp, Luật Đất Đai, Bộ Luật Lao Động, và Luật Công Đoàn không còn liên quan nữa (tất cả đều đã được tu chỉnh hay thay thế trong thời khoảng báo cáo). Nhiều luật thông qua sau năm 2008 áp đặt các sự hạn chế nhân quyền nghiêm trọng đã không được đề cập trong báo cáo đệ trình.

Qua việc trì hoãn các báo cáo của mình trong nhiều thập niên, Việt Nam đã không chỉ thiếu sót trong việc chấp hành các nghĩa vụ báo cáo đến Liên Hiệp Quốc (LHQ), mà còn phá hủy nghiêm trọng nhiều cơ hội để củng cố sự bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cho người công dân Việt Nam. Kể từ khi chính sách “*đổi mới*” được tung ra hồi cuối thập niên 1980, xã hội Việt Nam đã trải qua nhiều biến đổi sâu xa, chuyển hóa từ một nền kinh tế kế hoạch do khối Sô Viết cũ cung cấp dồi dào sang một “*nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa*”. Những sự thay đổi này chắc hẳn đã cải thiện tình trạng kinh tế và cách sống của hàng triệu người Việt Nam. Đồng thời chúng cũng làm nảy sinh nhiều thách đố trên lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị phức tạp. Nếu các chuyên viên của Ủy Ban CESCR không được cung cấp các dữ liệu kịp thời và liên hệ, họ không thể nào lượng giá được những sự thách đố này hầu đưa ra những khuyến cáo thích hợp nhằm cải thiện sự bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa tại Việt Nam.

Hơn nữa, điều đáng tiếc rằng trong phiên Kiểm Điểm Định Kỳ Phổ Quát (UPR – Universal Periodic Review) của Việt Nam hồi tháng Hai 2014, Việt Nam đã bác bỏ 45 khuyến

cáo được các Quốc gia thành viên LHQ đưa ra, có nhiều trong số khuyến cáo này liên quan đến các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa¹.

Hai tổ chức Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (FIDH) và Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR) chúng tôi theo dõi mật thiết tình trạng nhân quyền tại Việt Nam kể từ khi Việt Nam gia nhập Công Ước Quốc Tế về Các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa (ICESCR) hồi năm 1982, và quan ngại sâu xa rằng những vi phạm các quyền này gia tăng trong nhiều lãnh vực. Vì đề tài và thời khoảng quá rộng lớn, chúng tôi giới hạn bản báo cáo phụ khuyết của chúng tôi trên một số lĩnh vực cụ thể, đặc biệt sự xâm phạm nổi bật các quyền cơ bản, nhưng đây cũng chỉ mới là mặt nổi của tảng băng. Sự phát hiện của chúng tôi căn cứ theo tin tức do các nhà hoạt động xã hội dân sự tại Việt Nam cung cấp, hoặc từ nguồn truyền thông, báo chí nhà nước, từ các cơ quan LHQ, và sự nghiên cứu chuyên môn, cũng như những báo cáo của bốn chuyên viên độc lập của LHQ thực hiện sau các chuyến viếng thăm chính thức tại Việt Nam giữa năm 2010 và 2014².

Mối Quan Tâm Chính Yếu : Sự Chênh Lệch Giàu Nghèo và Bất Bình Đẳng Xã Hội Gia Tăng

Kể từ khi nền kinh tế thị trường tự do mở cửa cuối thập niên 1980 tại Việt Nam, theo chính sách *đổi mới*, kinh tế biến đổi và tăng trưởng mau lẹ, làm giảm thiểu đáng kể sự nghèo đói trong dân số 90 triệu người. Tuy nhiên, cùng lúc, hai thập niên của “*đổi mới*” — kết hợp tự do hoá kinh tế dưới sự kiểm soát chính trị độc đảng — đã dẫn đến sự gia tăng báo động về chênh lệch giàu nghèo. Đôi khi sự chênh lệch gia tăng này không thể hiện trong các chỉ số thường được sử dụng (thí dụ chỉ số Gini của Việt Nam cho năm 2012 là 35.6)³. Nhưng lại hiển hiện chói lòa trong đời sống hàng ngày của người dân. Thí dụ, trong năm 2013, Việt Nam được xếp hạng thứ nhì trên thế giới về sự gia tăng số lượng đại phú gia (198 người với tích sản trị giá hơn 20 tỉ mỹ kim). Song cùng lúc, một trên năm người Việt Nam (20.7%) sống dưới ngưỡng nghèo đói, và 8% sống trong sự nghèo đói cùng cực⁴. Hàng triệu người khác sinh sống chỉ vừa trên ngưỡng nghèo đói, và dễ bị rơi xuống sự nghèo đói trước bất cứ dao động nào.



Đa số người già lâm vào tình trạng nghèo khó

Đặc biệt sự chênh lệch giàu nghèo nằm trong đa số người Việt hay Kinh và 53 nhóm dân tộc ít người của Việt Nam, sống chính yếu tại miền núi. Nhóm dân tộc ít người là số dân

¹ Báo cáo của Tổ Nghiên cứu về cuộc Kiểm Điểm Định Kỳ Phổ Quát (UPR) Vietnam. A/HRC/26/6, 2 April 2014, <http://daccess-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/G14/129/10/PDF/G1412910.pdf?OpenElement>

² Chuyên viên LHQ về Các Vấn Đề Thiểu Số (5-15 tháng Bảy 2010), Chuyên viên độc lập của LHQ về nhân quyền và đói nghèo (23-23 tháng Tám 2010), Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về các quyền văn hóa (18-29 tháng 11- 2013) và Báo Cáo Viên Đặc Biệt của LHQ về Tự Do Tôn Giáo hay Tín Ngưỡng (22-31 tháng Bảy 2014).

³ Chỉ số Gini đo lường tầm mức theo đó sự phân chia lợi tức hay khoản chi dành cho tiêu thụ giữa các cá nhân hay gia đình trong một nền kinh tế sai lệch với sự phân chia đồng đều lý tưởng. Chỉ số Gini ở 0 biểu hiện sự đồng đều lý tưởng, trong khi chỉ số 100 ám chỉ sự đồng đều bất hảo (World Bank, 2013).

⁴ “Khởi sự tốt, nhưng chưa thực hiện : Sự tiến bộ khác thường của Việt Nam trong việc giảm thiểu nghèo đói với những thách thức bộc phát” (*Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges*), World Bank tại Việt Nam, Hà Nội 2012.

nghèo nhất tại Việt Nam. 12.9% người Kinh thuộc loại nghèo, thì có hơn 66% các dân tộc ít người sống dưới mức nghèo đói. Sau cuộc viếng thăm chính thức tại Việt Nam trong năm 2010, Chuyên Viên Độc lập LHQ về Nhân Quyền và tình trạng Cực Kỳ Đói Nghèo đã ghi nhận rằng “*Sự chênh lệch hiển nhiên trong lợi tức, việc làm, bảo hiểm y tế, giáo dục và sự tiếp cận các dịch vụ chính quyền bị quy định theo các lần ranh chủng tộc*”, với “*sự bất bình đẳng ăn sâu cố hữu*” ảnh hưởng đến các nhóm không được bảo vệ như phụ nữ và thiểu số thuộc dân tộc ít người⁵.

Một báo cáo được Ngân Hàng Thế Giới công bố năm 2012 phân tích sự chênh lệch gia tăng này⁶. Dựa trên sự nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực, bản báo cáo cảnh báo sự chênh lệch giàu nghèo không chỉ là khoảng cách về lợi tức. Mà là hiệu ứng xoáy vòng tròn ốc bao gồm **sự chênh lệch trong kết quả** (sự khác biệt trong lợi tức, sự tiêu dùng, và của cải), **sự bất bình đẳng về cơ hội** (bị các yếu tố thúc đẩy như giới tính, chủng tộc, vị trí, tôn giáo gia nhập, quan điểm chính trị hay đặc tính của cha mẹ), cũng như **bất bình đẳng trong vốn liếng xã hội và chính trị** (đo lường theo quan hệ, uy thế và ảnh hưởng). Nếu không có quan hệ với “*những người làm chính trị*” (tức các đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam và gia đình của họ), người dân tại Việt Nam sẽ bị đối xử bất bình đẳng trên mọi khía cạnh của đời sống, kể cả các dịch vụ y tế, giáo dục hay các dịch vụ công cộng nào khác, cơ hội kiếm việc làm và thủ đắc đất đai.

Trong bản Báo cáo định kỳ tại Ủy Ban Xóa bỏ mọi Hình thức Phân biệt Chủng Tộc (Committee on the Elimination of all Forms of Radical Discrimination : CERD) năm 2012, chính phủ Việt Nam đã nhìn nhận “*các hiệu ứng tiêu cực*” của sự “*đổi mới*”, chẳng hạn như “*khoảng cách lợi tức rộng lớn hơn, sự chênh lệch về mức sống giữa đô thị và nông thôn, và giảm thiểu khả năng hội nhập của các nhóm không được bảo vệ như phụ nữ, thiểu số thuộc các dân tộc ít người, cùng những người tàn tật v.v...*”⁷.

Nhưng đây không chỉ là “*những hiệu ứng tiêu cực*”. Cùng với nạn tham nhũng của giới viên chức lan tràn và sự lạm dụng quyền lực ở mọi cấp quốc gia, tỉnh huyện và địa phương, sự bất bình đẳng này có gốc rễ từ những yếu tố chính trị, như sự thiếu vắng các quyền dân sự và chính trị, không có báo chí tự do, công đoàn tự do, các phong trào xã hội dân sự độc lập hay một nền tư pháp độc lập tại quốc gia độc đảng Việt Nam. Không có những cơ chế và sự bảo vệ trọng yếu này, những nạn nhân của sự lạm dụng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa chẳng còn phương tiện gì để bảo vệ các quyền của họ.

Như chuyên viên LHQ về vấn đề Thiểu số, bà Gay McDougall, đã nhấn mạnh sau cuộc thăm viếng của bà tại Việt Nam, sự bất bình đẳng xã hội chỉ có thể được giải quyết nếu “*mọi người tại Việt Nam [có thể] hưởng dụng đầy đủ các quyền dân sự, văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội*”. Bà thúc giục Việt Nam “*cứu xét đến tính phổ quát và tính bất khả phân của toàn*

⁵ “Việt Nam : Chuyên gia LHQ thúc đẩy những bước tiến trong nỗ lực chống nghèo đói (Vietnam : UN expert urges stepped-up efforts to combat poverty), UN News Centre (Trung tâm Thông tin LHQ), Hanoi, 31 August 2010.

⁶ “*Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges*”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012 (xem chú thích 3).

⁷ Báo cáo quốc gia của Việt Nam về sự thi hành Công Ước về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICERD), 21 tháng Chín 2011, CERD/C/VNM/10-14, Đoạn 5.

bộ nhân quyền, và phát huy cùng lúc một cách hòa hài mọi quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa.”⁸

Khung Luật Pháp : Sử Dụng Luật Pháp Để Hạn Chế Nhân Quyền

Trong hồ sơ đệ nạp lên Ủy Ban CESCER, Việt Nam liệt kê một chuỗi những luật và chương trình được chính phủ Việt Nam chấp nhận như bằng chứng cho sự bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, trong sự thực thi, nhiều điều trong các đạo luật này không được áp dụng, hoặc giải thích tùy tiện theo các từ ngữ mơ hồ, không chính xác, hoặc hoàn toàn không phù hợp với quyền được bảo đảm trong Công Ước Quốc Tế về Các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa (ICESCR). Hai tổ chức Liên Đoàn Quốc tế (FIDH) và Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR) chúng tôi đặc biệt quan ngại rằng Việt Nam tiếp tục thông qua nền pháp lý hạn chế nhân quyền, bất chấp những nghĩa vụ quốc tế của mình, và sử dụng luật pháp như công cụ hạn chế các quyền căn bản của người công dân.

Thí dụ, bản Hiến Pháp (tu chính năm 2013) cấm đoán sự kỳ thị (Điều 16) và bảo đảm sự bảo vệ nhân quyền (Điều 14). Tuy nhiên, đồng thời quy định sự hạn chế trên lĩnh vực nhân quyền qua một loạt tình huống bao gồm “*quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự và an ninh xã hội, đạo đức xã hội và sự lành mạnh của cộng đồng*” (Điều 14.2).

Điều 4 của Hiến Pháp quy định “Đảng Cộng Sản Việt Nam (...) lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà Nước và xã hội”. Quyền làm chủ chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) thường được Nhà nước viện dẫn để hình sự hóa sự phát biểu ý kiến và niềm tin tôn giáo xa khác với học thuyết của Đảng CSVN. Như thế, Điều 4 trở thành chương ngại vật nghiêm trọng cho sự thụ hưởng nhân quyền.

Bộ Luật Hình Sự của Việt Nam có nguyên một chương về “*các tội vi phạm an ninh quốc gia*” (Chương IX). Khái niệm hồ lớn này được sử dụng để chế tài mọi hành xử ôn hòa



Ông Phạm Văn Thu lãnh đạo Hội đồng Công luật Bia án Bia sơn tại cuộc xér xử hôm 2-2-2013

các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bằng các hình phạt khắc nghiệt (với mức tù chung thân hay tử hình) cho các vi phạm diễn tả mơ hồ, chẳng hạn như “*hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*” (Điều 79); “*gián điệp*” (Điều 80); “*tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*” (Điều 88), “*phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc ; gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo*” (Điều 87), hay “*trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân*” (Điều 91), vốn được sử dụng để bỏ tù sắc dân Thượng (Montagnards) trốn chạy khỏi Việt Nam hầu né tránh sự dời cư cưỡng bách khỏi vùng đất của tổ tiên họ hay sự đàn áp các quyền văn hóa của họ.

Tháng Giêng năm 2013, 22 nhà hoạt động bảo vệ môi trường ôn hòa tại Tỉnh Phú Yên đã bị kết án chiếu theo Điều 79 với án tù từ 10 năm đến chung thân (Hội đồng Công Luật Bia

⁸ UN News Centre, Hanoi, 31 August 2010 : Vietnam : UN expert urges stepped-up efforts to combat poverty (xem chú thích 5).

Ấn Bia Sơn). Nhóm này điều hành một công ty du lịch sinh thái tại Khu Nghỉ Dưỡng Du Lịch Đá Bia tại Tỉnh Phú Yên, và đã ký kết hợp đồng với nhà cầm quyền địa phương để bảo vệ rừng và môi trường. Họ tin tưởng vào một “Thế Giới Không Tưởng” (Utopia) tương lai trong đó khoa học, thiên nhiên, và loài người sẽ được sống hài hòa, và đã tổ chức nhiều hội nghị truyền bá đức tin họ. Báo chí nhà nước thừa nhận họ “bất bạo động”, nhưng lại gán cho họ là nhóm “*phản động chính trị*” và “*chống phá nhà nước*”⁹.

Chương XX của Bộ Luật Hình Sự về “*các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*” giáng những bản án nhẹ hơn (phạt tiền, cải tạo không án lệnh hay bị tù từ sáu tháng đến bảy năm) cho các tội như “*lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân*” (Điều 258). Điều khoản này vô hiệu hóa thực sự mọi bảo đảm được ghi nơi Điều 14 trong bản Hiến Pháp tu chính rằng “*các quyền con người, quyền công dân về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội được công nhận*” tại Việt Nam.

Ông **Heiner Bielefeldt**, Báo cáo viên LHQ đặc nhiệm Tự do Tôn giáo hay Tín ngưỡng, sau chuyến viếng thăm chính thức tháng 7.2014, nói lên những quan ngại về sự “quá chung chung” của Điều 285 chẳng định nghĩa rõ ràng những hành xử nào được xem là “*lạm dụng*”. Ông nói : “*Sự diễn đạt bao quát và mơ hồ của Điều 285 cho phép nhà đương cục toàn quyền trừng phạt bất cứ ai cho bất cứ hành động gì*”¹⁰.

Trong lần **Kiểm Điểm Định Kỳ Phổ Quát** (Universal Periodic Review : UPR) về Việt Nam hồi tháng Hai 2014, một số quốc gia thành viên LHQ đã kêu gọi sự sửa đổi hay bãi bỏ các điều khoản này, đặc biệt các Điều 79, 88, và 258, nhưng Việt Nam bác bỏ các khuyến cáo ấy¹¹. Trong thực tế, kể từ cuộc thăm viếng của Tổ Hành động Chống Bất bớ Tuỳ tiện (UN Working Group on Arbitrary Detention – UNWGD) đến Việt Nam hồi năm 1994, nhiều cơ quan LHQ đã tố giác sự mâu thuẫn của các điều khoản về an ninh quốc gia với luật nhân quyền quốc tế, đặc biệt Điều 79, không phân biệt giữa các hành vi bạo động — chẳng hạn như khủng bố — với những hành vi phát biểu ôn hòa hay hội họp. Song Việt Nam tiếp tục sử dụng Điều 79 để đàn áp các hoạt động ôn hòa, bất chấp các nghĩa vụ quốc tế của mình.

Pháp Lệnh 44 về “*Việc Quy Định Các Sự Vi Phạm Hành Chính*” (2002) trao quyền cho công an và viên chức cấp địa phương được giam giữ bất cứ ai bị nghi ngờ xâm phạm “an ninh quốc gia” từ sáu tháng đến hai năm dưới hình thức quản chế tại gia, tại các nhà thương tâm thần hay tại “*các trại cải tạo và cơ sở giáo dục*” mà không cần thông qua bất kỳ thủ tục pháp lý nào. Pháp lệnh này thường được sử dụng để giam giữ những người bất đồng chính kiến về tôn giáo và chính trị khi họ hành xử những hoạt động ôn hòa hợp pháp, thí dụ nhà hoạt động cho quyền đất đai **Bùi Thị Minh Hằng**, bị bắt hôm 28 tháng Mười Một năm 2011 và bị nhốt 24 tháng quản chế hành chính tại Cơ sở Giáo Dục Thanh Hà chỉ vì phản đối im lặng tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Điều kiện giam giữ tại các trại này vô cùng tệ hại¹².

⁹ “22 thành viên bất bạo động bị kết án nặng nề vì tội “phản loạn” tại Việt Nam (22 Members of a nonviolent group condemned to harsh prison terms for “subversion” in Vietnam), Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR), 4 tháng Hai 2013, http://www.queme.net/eng/news_detail.php?numb=1998

¹⁰ Bản Tuyên Bố Báo Chí về chuyến viếng thăm Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam của Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Tự Do Tôn Giáo hay Tín Ngưỡng, Hà Nội, 31 tháng Bảy 2014.

¹¹ Báo cáo của Tổ Nghiên cứu về Kiểm Điểm Định Kỳ Phổ Quát (UPR), Việt Nam, Phụ Lục, Quan Điểm về những kết luận và/hay các khuyến cáo, các cam kết tự nguyện và sự phúc đáp được Quốc Gia đưa ra trong cuộc kiểm điểm A/HRC/26/6/Add.1

http://lib.ohchr.org/HRBodies/UPR/Documents/Session18/VN/A_HRC_26_6_Add.1_VietNam_E.doc

¹² Nghị Định 76/2003/NĐ-CP về “*các Trại cải tạo*” quy định các điều kiện giam giữ vượt xa những tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu. Những người bị giam giữ phải làm việc nặng nhọc, chỉ được cấp 800 gram thịt hay cá mỗi

Một số **cơ chế kiểm soát** hạn chế nghiêm ngặt mọi hành xử nhân quyền tại Việt Nam. Đặc biệt người công dân bị chế độ **“hộ khẩu”** trừng phạt, tức hệ thống đăng ký gia đình. Cơ chế này cho phép quyền sở hữu nhà ở, chăm sóc y tế, giáo dục, và các dịch vụ xã hội công cộng khác. Những ai không có *hộ khẩu* trở thành công dân bất hợp pháp¹³. **Công an khu vực** có nhiệm vụ cấp phát hay thu hồi *hộ khẩu*. Quyền lực này cho phép công an địa phương nắm mọi quyền kỳ thị đối với cư dân do họ phụ trách (khoảng 300 người), và họ thường sử dụng và lạm dụng tùy tiện.

Mặc dù đã có sự cải cách các cơ chế này, nó vẫn hiện hữu như những phương cách kiểm soát có tính kỳ thị và phổ biến nhất của chính quyền. Nhóm dân tộc ít người theo Thiên chúa giáo thuộc các hội thánh Tin Lành tại gia “không được công nhận” đang phải đối đầu với một tình trạng tiến thoái lưỡng nan kiểu Kafka. Nếu họ ghi “Tin Lành” trong mục tôn giáo khi nộp đơn xin *hộ khẩu*, đơn của họ thường bị từ chối. Nếu họ ghi nơi phân tôn giáo là “không theo đạo nào”, công an ngăn cấm họ không được tụ tập để cầu nguyện và cử hành nghi lễ tôn giáo. Trong nhiều trường hợp, khối dân tộc ít người theo Thiên chúa giáo mất quyền được nhận bất kỳ giấy tờ pháp lý nào. Trong năm 2012, Ủy Ban Xóa bỏ mọi Hình thức Phân biệt Chủng tộc (CERD) đã thúc giục Việt Nam *“cứu xét sự tu chỉnh hệ thống đăng ký hộ khẩu”* vì sự phung phí gây ra cho dân tộc thiểu số và thiểu số tôn giáo¹⁴.

Sự kỳ thị trên căn bản tôn giáo là một chính sách cố ý, được thượng tầng chính phủ và nhà nước chỉ đạo. *“Pháp Lệnh về Hoạt động Tín ngưỡng Tôn giáo”* quy định mọi hoạt động tôn giáo, có hiệu lực từ ngày 15 tháng Mười Một 2004, và **Nghị Định 92**, ban hành năm 2012, hướng dẫn việc thi hành pháp lệnh. Pháp Lệnh áp đặt mọi kiểm soát nghiêm ngặt trên các tôn giáo, bao gồm hệ thống đăng ký các tổ chức tôn giáo và các giáo hội. Tổ chức nào nhà nước “không công nhận” bị xem là bất hợp pháp. Theo Pháp Lệnh, giáo dục tôn giáo lệ thuộc vào mệnh lệnh *“có tinh thần yêu nước”* do Đảng CSVN đề xuất ; sự thờ phụng chỉ được cử hành tại các cơ sở tôn giáo đã được chấp thuận ; không được *“lợi dụng”* tự do tôn giáo vi phạm các chính sách hiện hành của Đảng CSVN (Điều 8.2). Những hoạt động tôn giáo nào bị xem *“xâm phạm an ninh quốc gia ; tác động xấu đến đoàn kết nhân dân, đến truyền thống văn hoá*

tháng, hai bộ quần áo lót mỗi năm, một chăn đắp mỗi hai năm, và một khoảng trên sàn (không phải là giường) để ngủ. Theo tường thuật của các người bị giam giữ, trong thực tế, ngay các phân xuất này cũng không đạt tới. Xem *“Banned Civil Society Voices : Violations of Human Rights in Vietnam”* (Tiếng nói xã hội dân sự bị cấm : Những vi phạm nhân quyền tại Việt Nam) – Phúc trình chung của Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (FIDH) và Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR) tại cuộc Kiểm điểm Định kỳ Phổ quát Việt Nam, tháng Sáu 2014 : http://www.queame.net/eng/doc/UPR-Vietnam-2014_Banned_Civil_Society_Voices.pdf

¹³ *Social Protection for Rural-Urban Migrants to Large Cities in Vietnam (Bảo vệ xã hội cho những người di cư từ nông thôn ra thành thị trong các thành phố lớn Việt Nam)*, Lê Bạch Long, Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội, được ấn hành trong *Social Protection in Asian Cities*, UN ESCAP 2009 : “Mỗi gia đình được cấp cho một sổ hộ khẩu liệt kê tên họ, giới tính, ngày sinh, tôn giáo và nghề nghiệp của tất cả các thành viên trong gia đình và mối liên hệ của họ với người chủ hộ. Mọi cư dân được phân chia riêng biệt thành 5 nhóm, là :

- KT1 : Các cư dân (gồm cả hai giới di dân và không di dân) có đăng ký hộ khẩu thường trực tại nơi cư ngụ hiện thời ;
- KT2 : Các di dân liên-quận (huyện) có đăng ký hộ khẩu thường trực tại tỉnh/thành phố của nơi cư ngụ hiện thời.
- KT3 : Các di dân không đăng ký hộ khẩu thường trực tại nơi cư ngụ hiện thời nhưng có đăng ký tạm trú từ 6 đến 12 tháng với khả năng gia hạn.
- KT4 : Các di dân không đăng ký thường trực tại nơi cư ngụ hiện thời nhưng có đăng ký tạm trú từ 1 đến 6 tháng.
- Những người cư trú không đăng ký. Những kẻ không thuộc vào bất kỳ một trong các loại kể trên.

Bất kể sự nói lòng gần đây, các điều kiện cho việc thay đổi quy chế từ cư dân tạm trú sang thường trú thì nghiêm ngặt, đòi hỏi cư dân phải có việc làm chính thức, sở hữu nhà, và cư trú ít nhất trong ba năm.

¹⁴ Những nhận xét kết luận của Ủy Ban Xóa Bỏ Kỳ Thị Chủng Tộc, CERD/C/VNM/10-14 March 2012.

tốt đẹp của dân tộc” đều bị cấm đoán (Điều 15)¹⁵. Nghị Định 92 đã gặp phải sự phản đối mạnh mẽ từ giới Phật Giáo, Tin Lành, và các nhà lãnh đạo các tín ngưỡng khác tại Việt Nam. Họ xem nghị định như một “bước thụt lùi lớn lao đối với các tôn giáo”, vì nó trao cho chính quyền nhiều công cụ pháp lý để kiểm soát và trấn áp tôn giáo¹⁶.

Trong bản báo cáo trình lên Ủy Ban CESCER, chính phủ Việt Nam trung dẫn sự gia nhập các công ước nhân quyền chính yếu như một bằng chứng cho sự tôn trọng nhân quyền của mình. Tuy nhiên, như bà **Magdalena Sepúlveda**, chuyên viên LHQ về nhân quyền và sự đói nghèo quá mức, đã nhắc nhở Việt Nam sau chuyến viếng thăm rằng : *“Thật chưa đủ cho sự kiện tham gia ký kết các công ước nhân quyền LHQ, mà còn phải tương hợp các tiêu chuẩn quốc tế với pháp chế quốc gia”*¹⁷.

Sự Thi Hành Công Ước Quốc Tế Về Các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa

Điều 1 : Quyền Tự Quyết

1.1. Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

Tại nhà nước độc đảng Việt Nam, công dân không được tự do để xác định tư thể chính trị của họ. Tiến trình bầu cử bị Đảng Cộng sản Việt Nam kiểm soát ở mọi cấp. Không có các đảng đối lập. Các ứng cử viên không thuộc Đảng CSVN có thể đệ đơn tham gia tuyên cử, hay tự đề cử, nhưng họ phải được Mặt Trận Tổ Quốc chấp thuận, là tổ chức ngoại vi của Đảng CSVN. Trong các kỳ bầu cử sau cùng hồi năm 2011, 91.6% trong 500 ghế tại Quốc Hội vào tay các đảng viên Đảng CSVN.

Trong bản báo cáo trình lên Ủy Ban CESCER, Việt Nam tuyên bố rằng *“sự tham khảo nhân dân trong tiến trình tham gia lấy quyết định đã thực sự trọng yếu cho quyền tự quyết của đất nước”*¹⁸. Tuy nhiên, công dân nào biểu lộ những ý kiến trái với đường lối Trung ương Đảng CSVN qua các cuộc tham khảo công khai đã bị sách nhiễu, đe dọa, hay còn bị truy tố. Trong tháng Giêng 2013, khi Đảng CSVN mời gọi công chúng góp ý tu chỉnh bản Hiến Pháp mới, hàng nghìn người đã ký tên vào các bản thỉnh nguyện kêu gọi bãi bỏ Điều 4 về quyền chủ thể của Đảng Cộng Sản. Chẳng những ý kiến họ không được đếm xia, mà nhiều người trong họ còn bị ngược đãi nghiêm trọng. Vào ngày 26 tháng

KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT		
THỜI GIAN	00:00	
THAM GIA	488	97.99%
TÁN THÀNH	486	97.59%
KHÔNG TÁN THÀNH	0	0.00%
KHÔNG BIỂU QUYẾT	2	0.40%

Điền hình một cuộc bỏ phiếu tại Quốc hội. Số đại biểu tham gia : 97% - Biểu quyết thuận : 97.59% - Biểu quyết chống : 0% - Không biểu quyết : 0.40%

¹⁵ Hồ sơ của Ủy Ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR) cung cấp cho Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Tự Do Tôn Giáo hay Tín Ngưỡng để chuẩn bị chuyến ông viếng thăm tại Việt Nam, tháng Sáu 2014.

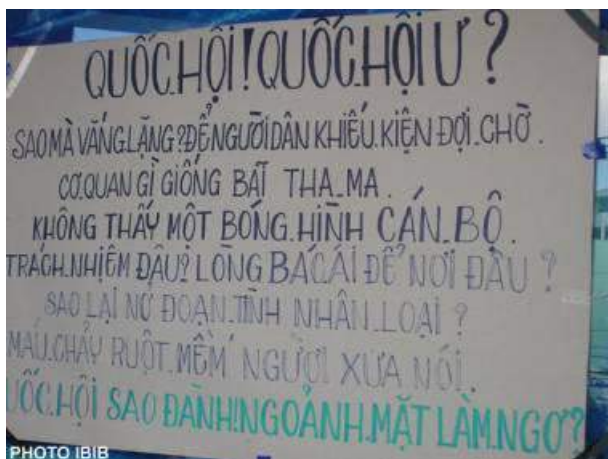
¹⁶ Nghị Định Chính phủ mang số 92 xiết chặt sự kiểm soát các tôn giáo tại Việt Nam, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, 29 tháng Mười Một, 2012 ; *“Vietnam’s New Religion Decree Termed a Step Backward - Legal recognition will now take at least 23 years”*, Morning Star News, Ho Chi Minh City, ngày 24 tháng Giêng, 2013.

¹⁷ UN News Centre, Hanoi, 31 August 2010 : *“Vietnam : UN expert urges stepped-up efforts to combat poverty”*, (xem chú thích số 5).

¹⁸ Đoạn 32, trang 9.

Hai 2013, **Nguyễn Đức Kiên**, một ký giả của báo Nhà nước “*Gia Đình và Xã Hội*” đã bị cho nghỉ việc và bị đe dọa truy tố chỉ vì đăng tải lời phê bình bản dự thảo Hiến Pháp trên trang mạng cá nhân của ông.

Quyền tham gia chính trị, được Điều 28 Hiến Pháp bảo đảm và được trình bày trong bản báo cáo của Việt Nam như “*quyền chính trị quan trọng nhất*”, nhưng thực tế là điều bị cực kỳ giới hạn, đặc biệt đối với người dân bản địa. Nhóm dân tộc ít người chỉ chiếm khoảng 11% số nhân viên trong các Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh (giới chức địa phương) trong thời khoảng 2004-2009¹⁹. Tỷ lệ đại diện tại Quốc Hội thì cao hơn (hơn 17%) do chính sách “chỉ tiêu” (quotas) của chính phủ. Tuy nhiên học thức của hầu hết các Đại Biểu dân tộc ít người thua kém đáng kể so với các Đại Biểu người Kinh, với kiến thức hạn chế về luật pháp và thủ tục lập pháp. Không có Đại Biểu hay nhân viên văn phòng gốc dân tộc ít người nào nói được một ngoại ngữ. Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam và Đảng Cộng Sản Việt Nam lựa chọn các ứng cử viên dân tộc ít người theo những tiêu chuẩn khiến cho cộng đồng mất tin tưởng vào họ — họ phải nói thạo tiếng Việt và phải hội đủ điều kiện theo đuổi đại học tại các trường sở nội trú ở xa cộng đồng họ. Ủy Ban Dân Tộc của Quốc Hội là cửa ngõ chính để thảo luận các sự vụ của dân tộc ít người, nhưng đây là một cơ cấu nặng nề ở thượng tầng, thường bỏ qua sự tham khảo với dân chúng ít người ở các cấp hạ tầng căn bản²⁰. Không có luật cho các dân tộc ít người.



Những cuộc biểu tình giương biểu ngữ : “Quốc hội sao đành ngoảnh mặt làm ngơ với đời sống bất công, đói nghèo của nhân dân”.

Trong khi nhiều dân tộc ít người có hương ước và các quy định làng xã riêng, những điều này không được thừa nhận trong luật pháp Việt Nam²¹. Các dân tộc ít người ít có tiếng nói trong việc tuyển chọn người đại biểu tại các Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh hay ở Quốc Hội, cũng như không có cơ hội để tham gia vào tiến trình cấu tạo quyết định về các chính sách ảnh hưởng đến họ, là điều trái với các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế của Việt Nam, với cả bản Tuyên Bố của LHQ về Các Quyền Của Người Bản Địa, mà Việt Nam đã bỏ phiếu tán thành. Thí dụ, năm 2009, Ủy Ban Dân Tộc của Quốc Hội đã chấp thuận Quyết Định 236 thiết lập các ủy ban phụ trách sự phát triển kinh tế

- xã hội trong các cộng đồng dân tộc kém lợi thế và các khu vực miền núi trong thời khoảng từ 2011 và 2015. Các ủy ban này đã được thiết lập tại cấp trung ương và được Ủy Ban Dân Tộc quản trị, nhưng lại bãi bỏ sự tiếp xúc với giới cầm quyền địa phương vốn có nhiều mối quan hệ hơn với các cộng đồng dân tộc. Ngân Hàng Thế Giới đã cảnh báo rằng, tại Việt Nam, “*Cách tiếp cận từ cao xuống thấp này nhằm đưa ra các giả định về những gì người dân mong muốn và cần thiết mà chẳng cần hỏi ý kiến họ đã thất bại hầu như mọi nơi trên thế giới và đã lỗi thời. Kiến thức bản địa và thực tiễn địa phương phải được thông tin cho công tác của các*

¹⁹ Báo cáo quốc gia của Việt Nam về sự thi hành Công ước về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICERD), 21 tháng Chín 2011, CERD/C/VNM/10-14.

²⁰ Đại diện từ thượng tầng : Dân tộc ít người tại Quốc Hội Việt Nam, Sonia Palmieri, Báo cáo năm 2010 của Liên Hiệp các Nghị viên và Cơ quan Phát triển LHQ (UNDP).

²¹ Báo cáo của Chuyên Viên Độc Lập về Vấn Đề Thiểu Số, Gay McDougall, Phái đoàn thăm viếng Việt Nam, 5-15 tháng Bảy 2010, A/HRC/16/45/Add.2.

nhà khoa học, và các nhà nghiên cứu phải thu thập rõ ràng kiến thức địa phương khi thiết kế các kỹ thuật mới thích nghi với địa phương”²².

Điều 2 : Không Kỳ Thi

2.2. : Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết bảo đảm rằng các quyền được nêu trong Công ước này sẽ được thi hành không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc các điều kiện khác.

Bản báo cáo của Việt Nam hướng vào sự không kỳ thị liên quan đến các dân tộc ít người, ghi nhận rằng Việt Nam “ngăn cấm bất kỳ hành vi kỳ thị hay chia rẽ nào” (đoạn 54). Trong những năm gần đây, lập luận về sự “chia rẽ” đã được viện dẫn để biện minh cho sự đàn áp của công an và những vi phạm các quyền văn hóa của người Thượng Thiên chúa giáo tại Cao Nguyên Trung Phần, họ bị tổ cáo thành lập một quốc gia “Tin Lành Dega”. Trong thực tế, một cuộc nghiên cứu của Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ dựa vào các cuộc phỏng vấn người Thượng tỵ nạn tại Cầm Bốt cho thấy rằng rất ít người Thượng đòi hỏi cho chính sách tự trị, mà đơn giản chỉ muốn được tôn trọng về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, cũng như phản đối sự cưỡng bách khỏi đất đai tổ tiên họ²³. Có ít nhất 250 người Thượng bị bắt trong các cuộc biểu tình đông đảo chống sự cưỡng chiếm đất đai và vi phạm tự do tôn giáo trong năm 2001 và 2005 hiện vẫn còn bị giam giữ, cuộc đàn áp vẫn tiếp tục. Riêng tại tỉnh Gia Lai trong năm 2010 đã có hơn 70 người Thượng bị bắt tù vì phản đối sự xâm phạm các quyền kinh tế và văn hóa của họ²⁴. Cũng trong năm 2010, các Mục Sư Tin Lành **Y Du** và **Y Co** thuộc dân tộc ít người đã bị kết án tù nặng nề vì tội “phá hoại” khi không chịu từ chối tư cách hội viên của các địa phận hội thánh tại gia “không được công nhận”. Họ bị đánh đập tàn bạo trong nhà tù²⁵.

Các Dân Tộc Ít Người Phải Gánh Chịu Sự Kỳ Thi Trong Mọi Khía Cạnh Của Đời Sống Hàng Ngày. Các chính sách của chính quyền phần lớn được quan niệm theo căn bản của những thành kiến tiêu cực ăn sâu trong tư tưởng và ngôn ngữ hàng ngày của đa số người Kinh, kể cả “các chiến dịch nhằm thay đổi “văn hóa” của dân tộc ít người, bao gồm việc bài trừ tôn giáo, các tín ngưỡng sơ khai, các cấm kỵ mê tín dị đoan và các nghi lễ xã hội hoang phí. Sự can thiệp có chủ ý như thế nhằm nâng các dân tộc ít người lên cao trên “bậc thang văn minh” và để tạo sự thuận lợi cho việc “bắt kịp” khối người Kinh đa số hay nói rõ là một cuộc Kinh hóa”²⁶.

Bà **Gay McDougall**, chuyên Viên Độc Lập của LHQ về Các Vấn Đề Thiểu Số đã nhấn mạnh khuynh hướng này trong bản báo cáo về cuộc thăm viếng của bà tại Việt Nam năm 2010 : “Các dân tộc ít người phải gánh chịu nhiều hơn bởi họ bị xem là tụt hậu, thụ động, ngu dốt, và còn là kiến trúc sư cho sự nghèo đói và kém phát triển của chính họ. Ngoài sự

²² “Explaining ethnic poverty in Vietnam, a summary of recent trends and current challenges” (Giải thích nạn nghèo đói của dân tộc ít người tại Việt Nam, tổng quan các xu hướng gần đây và các luồng thách thức), Rob Swinkels và Carrie Turk, World Bank, Vietnam 2006.

²³ Báo cáo thường niên của Ủy Hội Hoa Kỳ Bảo vệ Tự Do Tôn Giáo trên Thế giới, Washington D.C. 2011.

²⁴ Human Rights Watch, “Montagnard Christians in Vietnam, a case study in religious repression” (Người Thượng Thiên chúa giáo tại Việt Nam, trường hợp nghiên cứu về đàn áp tôn giáo), 2011.

²⁵ Hồ sơ chỉ dẫn năm 2011 của tổ chức Christian Solidarity Worldwide.

²⁶ “Ethnic minority poverty in Vietnam” (Sự đói nghèo của dân tộc ít người tại Việt Nam), Hồ sơ nghiên cứu, tháng Hai 2010, Chronic Poverty Research Centre, UK, Vietnam Academy of Social Sciences, Hanoi and National Economics University, Hanoi.

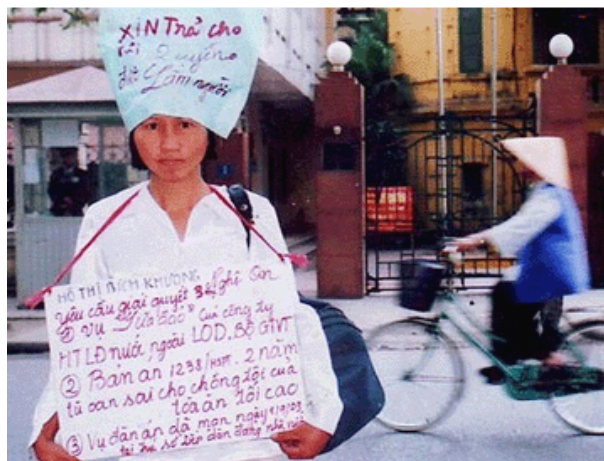
phát triển các thành kiến không may, nhận thức này được dùng để biện minh cho một mô hình từ cao chỉ đạo xuống trong việc hình thành quyết định cho các vấn đề dân tộc ít người và các mô hình phát triển xem nhẹ tiến trình tham khảo chân thật và kiến thức truyền thống.”²⁷

Sự thiếu sót những sáng kiến của chính quyền để chiến đấu chống lại các thành kiến này ở cấp quốc gia hay địa phương giải thích phần nào lý do tại sao, mặc dù Việt Nam đã dành những tài nguyên đáng kể cho sự phát triển dân tộc ít người, nhưng các chương trình này không chỉ thất bại trong việc cải thiện các tiêu chuẩn sinh hoạt của các nhóm dân tộc ít người, mà đôi khi còn gây thêm thiệt thòi cho họ.

Thí dụ, vì thành kiến này, các dân tộc ít người ít thủ đắc tín dụng hơn người Kinh. Theo phúc trình của nhóm dân tộc ít người Ede tại Dak Lak, các ngân hàng thương mại thường xuyên từ chối cấp các khoản cho vay lớn cho các thành viên dân tộc ít người vì các ngân hàng tin rằng họ quá “lạc hậu” để quản lý chúng²⁸. Vì thái độ kỳ thị này, người Ede không nộp đơn xin vay các khoản tiền lớn, do biết rằng họ sẽ không bao giờ nhận được chúng.

Sự kỳ thị đặt trên căn bản tôn giáo, ý kiến chính trị, tài sản, nguồn gốc sinh ra hay vị thế xã hội cũng là một trở ngại nghiêm trọng cho sự hưởng dụng các quyền kinh tế và xã hội tại Việt Nam. Hội viên của các nhóm tôn giáo “không được công nhận” (tức những kẻ không muốn gia nhập các tổ chức tôn giáo do nhà nước điều hành) chẳng hạn như **Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN)**, **Hòa Hảo**, **Cao Đài**, Các Tín Đồ **Tin Lành** thuộc “Hội thánh tại gia”, các **Phật Tử Khmer Krom**, thường xuyên bị từ chối giấy phép cư trú bắt buộc (*hộ khẩu*), và đối diện với sự kỳ thị khi kiếm việc làm, xin chăm sóc y tế và giáo dục. Họ còn bị đối diện với những sách nhiễu có hệ thống, bị công an theo dõi, và quản chế tại gia không thông qua toà án.

Những kẻ tổ giác các sự vi phạm các quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa thường bị các nhân viên an ninh mặc thường phục tấn công, đe dọa, bắt giữ, và bị tuyên án tù khắc nghiệt. Trong giai đoạn bốn năm giữa lần Kiểm Điểm Định Kỳ Phổ Quát (UPR) thứ nhất và thứ nhì của Việt Nam (2009-2014), hai tổ chức **Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (FIDH)** và **Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR)** đã thu thập nhiều trường hợp về công dân mạng cá nhân (bloggers), những người bảo vệ nhân quyền và hoạt động ôn hòa bị giam giữ vì bênh vực cho các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa²⁹. **Nguyễn Hoàng Quốc Hùng** và **Đoàn Huy Chương**, lần lượt bị kết án từ 9 đến 7 năm tù trong năm 2010 vì bênh vực một cách ôn hòa cho các quyền công nhân; **Nguyễn Ngọc Cường**, bị kết án 7 năm tù giam trong năm 2011 vì việc phân phát truyền đơn phản đối các sự xâm phạm quyền đất đai; luật sư



Hồ Thị Bích Khương, người tranh đấu cho Dân oan, biểu tình chống cường chiếm đất đai trước khi bị bắt năm 2011. Bà ghi rõ trên mũ giấy của mình : “Xin trả cho tôi Quyền được Làm Người”

²⁷ Báo cáo của Chuyên Viên Độc Lập về Vấn Đề Thiểu Số, Gay McDougall, Phái đoàn thăm viếng Việt Nam, 5-15 tháng Bảy 2010, A/HRC/16/45/Add.2. (đoạn 77).

²⁸ Báo cáo của Chuyên Viên Độc Lập về Vấn Đề Thiểu Số, Gay McDougall, Phái đoàn thăm viếng Việt Nam, 5-15 tháng Bảy 2010, A/HRC/16/45/Add.2.

²⁹ Báo cáo chung của hai tổ chức Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (FIDH) và Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR) về cuộc Kiểm điểm Định kỳ Phổ quát Việt Nam (UPR), tháng Sáu 2013.

Huỳnh Văn Đông, bị loại ra khỏi luật sư đoàn tỉnh Dak Lak trong năm 2011 vì biện hộ cho bảy người hoạt động tranh đấu cho các quyền đất đai tại một phiên tòa ở tỉnh Bến Tre ; **Hồ Thị Bích Khương**, nhà tranh đấu cho các quyền đất đai, bị cáo buộc tội “*tuyên truyền chống phá Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam*” (Điều 88 của Bộ Luật Hình Sự) hồi tháng Mười Hai, 2011 và bị kết án 5 năm tù giam và 3 năm quản chế tại gia vì việc trợ giúp các nông dân nộp đơn khiếu nại chống lại sự trục xuất cưỡng bách³⁰.



Nhân dân biểu tình đòi hỏi Quyền Con Người trước cửa Bảo tàng viện Lịch sử Quốc gia nơi có cuộc “Triển Lãm Cải Cách Ruộng đất 1946 – 1957” ngày 8-9-2014

Ngân Hàng Thế Giới trích dẫn các sự việc phổ biến của **nạn kỳ thị trên căn bản vị thế xã hội**, theo đó người dân nào không có các liên hệ với Đảng CSVN thì rất ít cơ hội được tiếp cận các dịch vụ công cộng : “*Tiền bạc thôi không đủ. Tiền bạc nhưng thiếu sự liên hệ không thể giúp bạn có việc làm trong lãnh vực công*”. Các cựu viên chức nhà nước và cán bộ ĐCSVN nhiều phần được dành ưu tiên trước mọi thường dân khác trong các thủ tục hành chính và ngay cả trong việc chăm sóc y tế : “*Tại bệnh viện, nếu bạn là một thường dân, bạn sẽ không có cùng sự điều trị như các kẻ có đặc quyền*”³¹.

Sau cùng, một cơ chế phổ biến của sự kỳ thị trong mọi tiếp cận y tế và giáo dục là hệ thống đăng ký gia đình, hay **hộ khẩu** (xem bên trên). Ai không có quy chế thường trú (những kẻ “tạm trú” theo quy chế KT3 và KT4) phải trả giá cao hơn tiền điện và nước tiêu dùng so với-cư dân địa phương. Hộ khẩu cũng cần thiết để xin được giấy khai sinh cho trẻ mới sinh³². Cha mẹ nào không có hộ khẩu sẽ không thể xin giấy tờ khai sinh, hay ghi danh cho con đi học. Họ cũng không thể nhận được sự tài trợ do chính phủ cung cấp cho học sinh thất thế nhằm trang trải sách giáo khoa hay học phí, cũng như không được chăm sóc y khoa miễn phí và các trợ cấp an sinh khác, bởi những điều này đòi hỏi học sinh phải có quy chế đăng ký hộ khẩu thường trú. Những công nhân di cư từ nông thôn ra thành thị, hay dân tộc ít người bị khước từ hộ khẩu vì lý do tôn giáo hay lối sống không định cư phải gánh chịu sự khước từ nghiêm trọng các quyền kinh tế và xã hội trong mọi khía cạnh của cuộc sống hàng ngày của họ.

Các Điều 6 & 7 : Quyền Làm Việc và Quyền Được Hưởng những Điều Kiện Làm Việc Công Bằng và Thuận Lợi

6.1 : Các quốc gia thành viên của Công ước này thừa nhận quyền làm việc, trong đó bao gồm quyền của tất cả mọi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ tự do lựa

³⁰ “*Sự Bắt Giam Tùy Tiện tại Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam*”, chứng từ của ông Võ Văn Ái, Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR), tại buổi Điều trần của Ủy Hội Nhân Quyền Tom Lantos ở Hạ Viện Hoa Kỳ về đề tài : Việt Nam : “*Các sự vi phạm Nhân Quyền tiếp diễn và đàn áp Tự Do Tôn Giáo*”, ngày 15 tháng Năm 2012.

³¹ “*Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges*”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012, (xem chú thích 3).

³² Nghị Định 81/1998/NĐ-CP.

chọn hoặc chấp nhận, và các quốc gia sẽ thi hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm quyền này ;

7.1 : Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi

Tại các khu vực nông thôn, quyền làm việc và hưởng dụng các điều kiện làm việc thích đáng và thuận lợi bị các chương trình của chính phủ cản trở nghiêm trọng, chẳng hạn như sự cưỡng bách di dân hay tịch thu đất đai cho mục tiêu phát triển. Điều này đặc biệt nghiêm trọng tại các vùng dân tộc ít người, nơi dân chúng bị nhóm người Kinh di dân dưới sự bảo trợ của nhà nước ảnh hưởng cho canh tác cưỡng ép những vụ mùa trên phần đất tổ tiên họ.

Bà **Gay McDougall**, chuyên viên LHQ về Các Vấn Đề Thiểu Số, đã bày tỏ sự quan ngại nghiêm trọng trong bản báo cáo trình lên LHQ sau chuyến viếng thăm Việt Nam về sự dời cư các nhóm dân tộc ít người và cưỡng chiếm đất đai tổ tiên, là nơi họ sinh sống. Bà ghi nhận rằng *“các khu vực đất đai màu mỡ rộng lớn đã bị biến thành nơi trồng các cây công nghiệp, như cà phê hay cây cao su, trong khi người Kinh nhập cư ồ ạt tạo thêm áp lực trên đất đai khả canh khan hiếm”*³³.

Sự di dân vì những dự án đầu tư và thiết

bị hạ tầng đã tác động tiêu cực đến các cộng đồng dân tộc thiểu số tại nhiều khu vực. Một thí dụ là nhà máy thủy điện Sơn La đòi hỏi dời cư cưỡng bách khoảng 91,000 người, đa số trong họ là dân tộc ít người từ các tỉnh Sơn La, Lai Châu và Điện Biên. Chính quyền Việt Nam xem đây là một sự thành công. Tuy nhiên, theo Liên Hiệp Các Hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam (VUSTA), sự dời cư này đã gây chấn thương, và trong nhiều trường hợp, bỏ mặc dân di cư ở những nơi không có thiết bị hạ tầng căn bản hay đất canh tác. Liên Hiệp VUSTA nhận xét : *“Cộng đồng tái định cư không được tương trợ tương xứng trong việc chuyển tiếp mô thức sản xuất nông nghiệp vùng thượng du thích nghi với địa phương mới, dẫn đến sự mất an ninh thực phẩm, tín hiệu cho sự gia tăng nghèo đói.”*³⁴



Nhà máy Thủy điện Sơn La

Sự kỳ thị trong việc tuyển dụng gây từ **làn sóng nhập nội của công nhân Trung Quốc** làm việc trong các dự án công nghiệp khổng lồ do Trung Quốc tài trợ trong lĩnh vực điện lực, xi măng, xây dựng và hóa học. Ngày nay, các nhà thầu Trung Quốc can dự đến gần 90 phần trăm các dự án năng lượng tại Việt Nam³⁵. Các nhà thầu khăng khăng đòi mang theo công nhân Trung Quốc thay vì tuyển dụng người Việt Nam, lấy cớ tiết kiệm khoản phí tổn trả cho các thông dịch viên. Trong thực tế, lý do kinh tế không là động lực chính, bởi các công nhân Trung Quốc này được trả lương cao từ ba đến sáu lần hơn công nhân Việt Nam làm

³³ “Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012, (xem chú thích 3).

³⁴ Nghiên cứu tiếp về những tác động của việc tái định cư Nhà máy Thủy Điện Sơn La, VUSTA, Hanoi 2008.

³⁵ “Firm to sue Chinese contractor for abandoning power project” (Quyết kiện công ty Trung quốc vì bỏ dở các dự án quan trọng), hãng thông tấn DPA 20 tháng Tám 2014.

cùng công việc³⁶. Theo các thống kê của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội (MOLISA) trong tháng Năm 2011 đã có 74,000 công nhân nước ngoài tại Việt Nam, mà 90% là công nhân Trung Quốc. Tại Đặc Khu Kinh Tế Vũng Án thuộc tỉnh duyên hải miền trung Hà Tĩnh, nhóm các nhà thầu Đài Loan và Trung Quốc đặt trụ sở tại Đài Loan (nhóm Formosa) đã yêu cầu mang vào 10,000 công nhân ngoại quốc, 90% trong đó là người Trung Quốc, để làm việc tại khu phức hợp công nghiệp đồ sộ này³⁷. Do nhượng bộ các điều kiện của Trung Quốc đòi nhập nội các công nhân của chính họ, Việt Nam đã phá vỡ luật lệ của chính mình. Theo ông **Lê Quang Trung**, Vụ phó Vụ Tuyển Dụng thuộc Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội, luật và quy định của Việt Nam thì “các công nhân ngoại quốc không có kỹ năng không được phép tuyển dụng tại Việt Nam. Việt Nam chỉ tuyển mộ các quản trị viên, giám đốc, chuyên viên, và nhân viên kỹ thuật ngoại quốc. Nhưng nếu công nhân Việt Nam hội đủ các tiêu chuẩn đòi hỏi cho các công việc như thế, họ phải được tuyển mộ thay vào chỗ người nước ngoài”³⁸. Hơn nữa, tình trạng như thế làm phát sinh bạo động chống lại công nhân di dân Trung Quốc. Đã có nhiều báo cáo về các vụ tấn công công nhân Trung Quốc, qua đó có nhiều biến cố gây tử vong³⁹.

Tại các khu vực thành thị, nhiều công nhân phải chịu **các điều kiện bóc lột tàn tệ ở nơi làm việc** và nhận các khoản tiền công không theo kịp giá cả vút cao về nhà ở, điện, và nhiên liệu, đặc biệt tại Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh. Theo sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, nhiều công nhân bị mất việc hay bị buộc phải chấp nhận tiền công thấp hơn. Hậu quả đưa tới việc gia tăng nghèo đói rõ rệt ở thành thị, tình trạng còn trầm trọng hơn với sự nhập lượng gia tăng di dân từ thôn quê ra thành thị (chính yếu là nông dân và nhân công nông nghiệp bị mất đất đai). Sự di dân này làm gia tăng nghèo đói ở nông thôn, vì việc gửi tiền về cho gia đình họ bị giảm sút do giá cả tăng cao.

Do việc giữ tiền lương thấp (mức lương tối thiểu được chính quyền ấn định), Việt Nam đã thành công trong việc thu hút đáng kể đầu tư nước ngoài. Năm 2014, mức lương tối thiểu từ 90 đến 128 Mỹ Kim mỗi tháng, tùy theo địa điểm⁴⁰. Con số này thấp hơn nhiều so với các nước láng giềng. Theo Tổ Chức Mậu Dịch Đối Ngoại Nhật Bản tiền công hàng tháng trung bình của một công nhân Việt Nam tại Hà Nội trong năm 2013 là 145 Mỹ Kim, trong khi tiền công trung bình tại Jakarta, Manila, Kuala Lumpur và Singapore là từ 239 đến 1,230 Mỹ Kim⁴¹. Trong thực tế, nhiều xí nghiệp khởi thủy đầu tư tại Trung Quốc nay đang dời sang

³⁶ “Thousands of Chinese work without permits in Vietnam” (Hàng nghìn người Hoa làm việc không có giấy phép tại Việt Nam), báo Tuổi Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 27 tháng Ba 2014, <http://tuoitrenews.vn/society/18634/thousands-of-chinese-work-without-permits-in-vietnam>

³⁷ “Taiwanese group requests thousands of workers for Vietnam project” (Nhóm công ty Đài Loan muốn thu dụng hàng nghìn công nhân cho dự án Việt Nam), Đài Phát thanh Á Châu Tự Do, 28 tháng Tám 2014, <http://www.rfa.org/english/news/vietnam/workers-08282014174146.html>

³⁸ “Thousands of Chinese work without permits in Vietnam,” Tuổi Trẻ News, Ho Chi Minh City, 27 tháng Ba 2014, <http://tuoitrenews.vn/society/18634/thousands-of-chinese-work-without-permits-in-vietnam> (xem chú thích 36)

³⁹ “Anti-Chinese Violence Convulses Vietnam, Pitting Laborers Against Laborers” (Phong trào bạo động chống Trung quốc rung chuyển Việt Nam, Công nhân chống đối công nhân), New York Times, 15 tháng Năm 2014, http://www.nytimes.com/2014/05/16/world/asia/anti-chinese-violence-turns-deadly-and-spreads-in-vietnam.html?_r=0

⁴⁰ Tiền công tối thiểu năm 2015 sẽ được tăng thêm từ 14 – 18 Mỹ Kim mỗi tháng, nhưng vẫn còn ở mức thấp nhất trong vùng. “Vietnam’s minimum wage to increase in 2015”, Thanh Niên News, 6 tháng Tám 2014 <http://www.thanhniennews.com/society/vietnams-minimum-wage-to-increase-1418-per-month-in-2015-29590.htm>

⁴¹ “Thousands of Chinese work without permits in Vietnam”, Tuổi Trẻ News, Ho Chi Minh City, 27 tháng Ba 2014. <http://tuoitrenews.vn/society/18634/thousands-of-chinese-work-without-permits-in-vietnam> (xem chú thích 38)

Việt Nam nhờ tiền công thấp. Quyền của công nhân thường xuyên bị hy sinh trong cuộc chạy đua để giữ mức lương thấp. Công nhân làm việc trong các môi trường độc hại và nguy hiểm không được cung cấp trang phục bảo vệ, tai nạn và sự tử vong liên hệ đến việc làm gia tăng 3.5% trong năm 2014. Những điều kiện tồi tệ tại nơi làm việc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe công nhân. Cuộc nghiên cứu 237 xí nghiệp nhỏ và trung bình giữa các năm 2000 và 2012 ở miền nam Việt Nam trong các ngành dệt, làm giày, cơ khí và biến chế thực phẩm cho thấy công nhân tại 50% các hãng này phải hứng chịu những tiếng ồn và bụi bặm thái quá, cũng như các chất hóa học độc hại. Nhiều xí nghiệp không có quạt thông hơi thích hợp, và nhiệt độ lên cao tới 40°C. Tám phần trăm các công nhân được chẩn đoán bị tổn thương thính giác, các bệnh ngoài da, bệnh phổi, và nhiễm độc chì và thuốc trừ sâu độc hại⁴².

Sự bất mãn tại nơi làm việc trầm trọng hơn **với sự bất bình đẳng và chênh lệch giàu nghèo gia tăng** giữa các công nhân và giới quản trị do sự tham nhũng và lạm dụng quyền hành. Bản báo cáo của Ngân Hàng Thế Giới năm 2012 ghi nhận người dân Việt Nam nhận thấy sự bất bình đẳng cao xuất phát từ sự tăng lương, công việc nặng nhọc hay giáo dục thì *“khả dĩ chấp nhận được”*, trong khi các sự bất bình nảy sinh từ sự lạm quyền hay uy thế là *“không thể chấp nhận được”*. *“Không có quyền lực và những quan hệ [bất chính] thì giám đốc chỉ khác biệt với các công nhân ở một vài hệ số của lương bổng căn bản. Nhờ có quyền hành và thông tin, [...] họ đã sử dụng điều này để làm giàu hơn”*⁴³.

Trong thực tế, chính quyền đã thiết lập ra toàn thể chiến lược phát triển trên lực lượng lao động cần cù, dễ bảo và trả công thấp⁴⁴, và đã nhắm mắt làm ngơ khi ĐCSVN và các quan chức chính phủ dàn xếp các sự mặc cả với các nhà đầu tư để đổi lấy các khoản hối lộ lớn lao. Trong bầu không khí tham nhũng này, một giai cấp mới các cán bộ ĐCSVN nặng đầu óc kinh doanh xuất hiện, dùng chức vụ của mình để làm giàu cho bản thân, thường gây thiệt hại cho giới công nhân. Các đảng viên cao cấp kỳ cựu của ĐCSVN như cố Đại Tướng **Võ Nguyên Giáp** đã tố cáo quyền lực và sự miễn nhiệm khỏi sự trừng phạt của các đảng viên ĐCSVN và gia đình họ, là những kẻ *“mua chức vụ, quyền hành, bằng cấp, hối lộ để trúng thầu cho cuộc kinh doanh thương mại của họ, và ngay cả việc “hối lộ để thoát khỏi trừng phạt và nhà tù”*⁴⁵. Ngân Hàng Thế Giới biểu lộ sự quan ngại về bất bình đẳng gia tăng này, về các cơ hội và số thu nhập sẽ được kéo dài trong các thế hệ tương lai trừ khi Việt Nam thực hiện các biện pháp khẩn cấp để chặn đứng chiều hướng này⁴⁶.

Lao động thiếu nhi là mối quan tâm nghiêm trọng. Nhiều trẻ em nghèo từ các tỉnh trở thành nạn nhân của các đường dây buôn người mang chúng ra các thành phố với hứa hẹn cho công ăn việc làm, rồi cưỡng bách chúng vào vòng nô lệ. **Sáng hội Thiếu Nhi Rừng Xanh**, một tổ chức



Thiếu nhi lao động tại 1 công xưởng ở Tp Hồ Chí Minh

⁴² “Poor working conditions lead to health problems” (Những điều kiện lao động thiếu thốn dẫn tới các vấn nạn sức khỏe), Thông Tấn Xã Việt Nam, 28 tháng Mười hai 2012. <http://vietnamnews.vn/social-issues/employment/234663/poor-working-conditions-lead-to-health-problems.html>

⁴³ “Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012 (xem chú thích 3).

⁴⁴ “Trong hơn 20 năm qua, Việt Nam đã thu hút thành công đầu tư nước ngoài là nhờ ở lực lượng lao động với giá lương thấp”, Phó Thủ Tướng Nguyễn Thiện Nhân, Thông Tấn Xã Việt Nam, ngày 15 Tháng Giêng, 2008.

⁴⁵ “Thư Ngỏ Gửi Ban Lãnh Đạo ĐCSVN”, Đại Tướng Võ Nguyên Giáp, Hà Nội, 3 Tháng Giêng 2004.

⁴⁶ “Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012 (xem chú thích 3).

từ thiện đặt trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trợ giúp giải cứu các trẻ em này, nói rằng chúng đã bị buộc phải làm việc từ 6 giờ sáng đến nửa đêm mà không có tiền công, và thường bị đánh đập. Tại một xưởng ở Thành Phố Hồ Chí Minh, họ tìm thấy 14 trẻ em làm việc, ngủ và ăn trong một buồng nhỏ giữa máy móc. “*Chủ xưởng chỉ cho phép chúng vào phòng tắm trong 8 phút mỗi ngày, bao gồm việc đánh răng, rửa ráy và đi cầu,*” theo luật sư **Tạ Văn Ngọc** của Sáng hội Rồng Xanh⁴⁷.

Mặc dù Hiến Pháp Việt Nam ngăn cấm một cách cụ thể lao động thiếu nhi (Điều 37), trong năm 2013 Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đưa ra Thông Tư số 11, chấp thuận “công việc nhẹ” cho thiếu nhi thuộc lứa tuổi từ 13 đến 15 (Thông Tư ban hành danh mục công việc nhẹ được sử dụng cho thiếu nhi dưới 15 tuổi làm việc). Danh sách công việc được chấp thuận bao gồm những việc như “cưa vỏ trai, làm nón lá, xe nhang, dệt chiếu, dệt thổ cẩm, làm bún gạo, đan lưới vó, đan lát, làm các đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như : mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình ; nuôi tằm” v.v... Các công việc này không thích hợp cho thiếu nhi, và không phù hợp với các tiêu chuẩn lao động của Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (ILO). Trong thực tế, Thông Tư này, hợp pháp hóa một hình thức lao động thiếu nhi, trái ngược nghiêm trọng với các quyền được nêu ra trong Công ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR).

Buôn người để khai thác lao động trở thành mối kinh doanh béo bở. Việt Nam kiếm được khá nhiều lợi nhuận từ sự “xuất cảng” công nhân đến các nước như United Arab Emirates, Đài Loan, Mã Lai, Saudi Arabia, và Nam Hàn. Khi đến các nước này, công nhân thường bị ép phải làm việc trong những điều kiện dưới tiêu chuẩn với tiền công ít ỏi và không được tiếp xúc với cơ quan pháp lý để hỏi han, nhờ cậy. Các công ty xuất cảng lao động Việt Nam, phần lớn trực thuộc nhà nước, thường tính các lệ phí tuyển mộ quá đáng, đẩy công nhân vào tình trạng con nợ trong nhiều năm. Trong năm 2013, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã xếp Việt Nam vào “Tầng 2 Danh Sách Theo Dõi” về việc buôn người. Báo cáo ghi nhận rằng “*một số công ty tuyển mộ không cho phép các công nhân đọc bản hợp đồng cho tới ngày trước khi rời nước ; và theo tường thuật công nhân phải ký tên vào các hợp đồng viết bằng thứ ngôn ngữ mà họ không đọc hay hiểu được*”. Bản báo cáo cũng tuyên bố rằng Việt Nam “*đã không cung cấp sự bảo vệ pháp lý thích đáng khỏi nạn lao động cưỡng bách hay trợ giúp nạn nhân tại Việt Nam hay hải ngoại*”⁴⁸. Việt Nam đã không phê chuẩn Công Ước Quốc Tế về Bảo Vệ Quyền của Tất Cả Những Người Lao Động Di Trú và các thành Viên Gia Đình họ (1990).

Điều 8 : Quyền Công Đoàn

1.a : Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết bảo đảm quyền của mọi người được thành lập và gia nhập công đoàn mà mình lựa chọn

Không có công đoàn độc lập tại Việt Nam. Mọi công đoàn nằm dưới dù che của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, hoạt động dưới sự kiểm soát của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Vai trò của nó như một “*tổ chức chính trị - xã hội*” được ghi nơi Điều 9 của Hiến Pháp. Các công đoàn tự do nào bên ngoài các cấu trúc của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam đều bị ngăn cấm. Bộ Luật Lao Động, được tu chỉnh năm 2012, hạn chế công nhân quyền đình công

⁴⁷ “Vietnam’s lost children in labyrinth of slave labour” (Thiếu nhi Việt Nam bị đánh mất trong mê cung lao động nô lệ), BBC, 24 tháng Tám 2013.

<http://vietnamhumanrightsdefenders.net/2013/08/26/vietnams-lost-children-labyrinth-slave-labour>

⁴⁸ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Báo Cáo Năm 2013 về Nạn Buôn Người.

hạn chế, đặc biệt tại các cơ xưởng do nước ngoài sở hữu. Nhưng đình công bị ngăn cấm trong các lãnh vực mà chính phủ xem là “công vụ”, quan trọng đối với kinh tế quốc gia hay quốc phòng, và Thủ Tướng có thể “chấm dứt” bất kỳ cuộc đình công nào bị xem là “đe dọa đến kinh tế quốc gia hay sức khỏe công cộng”. Ngày 8 tháng Năm 2013, chính phủ đã ban hành Nghị Định 41 cấm đoán sự đình công trong một danh sách bị cấm đoán, gồm 34 lãnh vực và các công ty do nhà nước sở hữu (kể cả bưu điện, viễn thông, năng lượng, v.v...) ⁴⁹.

Theo chiến lược phát triển hiện thời của Việt Nam, đặt quyền lợi ưu tiên vào chủ nhân và các nhà đầu tư, khiếu nại của công nhân hiếm khi được đếm xỉa và có thể bị chế tài pháp lý trấn áp. Trong năm 2008, sau một loạt đình công do sự gia tăng rõ rệt giá cả thực phẩm, nhà ở, và nhiên liệu, chính quyền đã đáp ứng bằng việc thông qua Nghị Định 11, buộc các công nhân phải trả ba tháng lương bồi thường cho các chủ nhân của họ vì “các tổn thất và các thiệt hại” nếu cuộc đình công của họ bị tuyên xử bất hợp pháp ⁵⁰. Chiếu theo Bộ Luật Lao Động của Việt Nam, bất kỳ cuộc đình công nào không được Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam tổ chức là bất hợp pháp. Không có cuộc đình công nào do Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam tổ chức trong năm 2013.

Do Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam không bảo vệ các quyền của họ, công nhân buộc phải đình công “bất hợp pháp” hay liêu lĩnh như phương sách duy nhất của họ. Theo kinh tế gia **Phạm Chi Lan**, “thực tế là ở Việt Nam tình trạng đình công trong những năm gần đây tăng lên rất nhiều, mỗi năm xảy ra hàng trăm vụ đình công nhưng hầu hết không được công đoàn dẫn dắt. Ở đây người ta có ý phê phán vai trò của công đoàn là chưa thực sự nắm được yêu cầu của công nhân và không tham gia giải quyết được những bức xúc, để đến mức công nhân phải đình công theo một cách tạm gọi là tự phát. Thậm chí họ còn đặt vấn đề, phải chăng công đoàn ăn lương của các ông chủ, cho nên đứng về phía các ông chủ chứ không đứng về phía công nhân.” ⁵¹ Trong tháng Ba 2014, khi cảnh sát dùng hơi cay để trấn áp cuộc biểu tình tại Bình Dương liên can đến hơn 1,000 công nhân, các đại diện của Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam không có nỗ lực nào để can thiệp.

Điều 11 : Quyền được hưởng mức sống thích đáng

11.1 - Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của tất cả mọi người có mức sống đủ cho bản thân và gia đình mình, kể cả quyền được ăn đủ, mặc đủ và có nhà ở : Các quốc gia thành viên sẽ thi hành những biện pháp thích hợp bảo đảm việc thực hiện quyền này.

Một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất tại Việt Nam, châm ngòi cho sự phản đối lan tràn và dẫn đến những vi phạm nghiêm trọng các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa là vấn đề quyền sở hữu đất đai. Hơn 70% dân số sống tại các vùng nông thôn, và các nông dân dựa vào đất làm nguồn sinh nhai độc nhất của họ.

⁴⁹ Nghị Định 41/2013/NĐ-CP - <http://english.luatvietnam.vn/default.aspx?tabid=754&id=5A66FC97-5478-4214-AB0A-7A57088510FF&rurl=%2fVL%2f727%2fDecree-No-412013ND-CP-dated-May-8-2013-of-the-Government-detailing-the-implementation-of-the-Labor-Co%2f5A66FC97-5478-4214-AB0A-7A57088510FF%2fdefault.aspx>

⁵⁰ “Quy định việc bồi thường tổn hại cho các chủ nhân do các vụ đình công bất hợp pháp gây ra”, Nghị Định 11/2008/NĐ-CP, Tháng Giêng 2008.

⁵¹ “Các vụ đình công ngoài vòng luật pháp, không có tự do nghiệp đoàn”, Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do, 22 Tháng Tư 2014.

Theo hệ thống Xã hội Chủ nghĩa của Việt Nam, đất đai thuộc về nhân dân nhưng được nhà nước quản lý. Dân chúng không sở hữu đất đai, nhưng được cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hiệu lực trong 50 năm cho mục tiêu nông nghiệp (70 năm cho các mục đích khác). Trong thời hạn này, nông dân giữ quyền chuyển nhượng, sang lại đất được giao. Nhà nước có thể cưỡng bách thu hồi đất bất kỳ lúc nào, có cả một loạt các lý do, kể cả những dự án cho lợi ích công cộng, quốc phòng, và phát triển kinh tế - xã hội. Theo Luật Đất Đai năm 2013 đã tu chỉnh, người dân chỉ được thông báo 90 ngày trước khi tịch thu đất đai. Ủy Ban Nhân Dân địa phương tại các cấp tỉnh, thành phố, huyện, và xã phụ trách việc thi hành việc trục xuất cưỡng bách và ấn định giá biểu bồi thường. Với sự tham nhũng ở mức độ cao nhất trong giới chức trách địa phương, hệ thống này chẳng khác gì việc giành chiếm đất đai và vi phạm nặng nề các quyền cơ bản của người nông dân.



Công an bắt giữ những nông dân chống lại sự trục xuất cưỡng bách

Theo Nghị Định 64, ban hành năm 1993, mỗi xã được phép biến cải không quá 5% đất canh tác cho các mục tiêu công cộng như trường học, trung tâm chăm sóc y tế, và đình làng. Tuy nhiên, phân xuất này hiếm khi được tôn trọng. Tại ngoại ô Hà Nội không thôi, theo Sở chỉ nhánh tại thành phố của Bộ Tài Nguyên Thiên Nhiên và Môi Trường, có gấp đôi số đất canh tác bị các viên chức địa phương biến cải cho những mục đích bất hợp pháp, mà chẳng có sự minh bạch nào⁵². Người dân nghèo tại Hà Nội nói với Ngân Hàng Thế Giới rằng “bất kỳ chủ sở hữu nào của các dự án giả tạo đều khai thác những khiếm khuyết của Nghị Định 64 để tịch thu đất đai của nông dân địa phương khi tuyên bố giả dối rằng sử dụng cho những tiện ích công cộng”⁵³.



Dân oan biểu tình chống cưỡng chiếm đất đai

Trong khi Việt Nam theo đuổi sự phát triển kinh tế, nhà nước đã tịch thu các giải đất ruộng rộng lớn cho các nhà đầu tư tư nhân xây dựng những khu gia cư, trung tâm mua sắm, khu công nghiệp, sân golf hay khách sạn. Theo nguyên tắc, pháp chế đòi hỏi nhà nước phải thông báo trước khá lâu và bồi thường hay tái định cư, nhưng trong thực tế các điều luật này hoặc không được thi hành hay do những viên chức tham nhũng làm sai lạc, lạm quyền, hoặc thiếu cơ chế thẩm định giá thị trường đất bị tịch thu. Theo bà **Phạm Chi Lan**, một kinh tế gia và cựu cố vấn Thủ Tướng Việt Nam, thì “Giá biểu bồi thường rất thấp trong khi những kẻ thu

⁵² “Hanoi cracks down on misuse of farmland”, Vietnam News, Hanoi, <http://vietnamnews.vn/society/234846/ha-noi-cracks-down-on-misuse-of-farmland.html>

⁵³ “Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012 (xem chú thích 3).

hồi đất thủ lợi rất lớn. Với sự hậu thuẫn của chính quyền địa phương, và những khiếm khuyết trong Luật đất đai tạo nên nền tảng béo bở cho những kẻ chiếm đoạt đất đai dân chúng, thu lợi cho cá nhân mình”⁵⁴. Hậu quả, là hàng trăm nghìn nông dân và gia đình của họ bị truất hữu, sau nhiều thế hệ canh tác trên mảnh đất của chính họ. Ngân Hàng Thế Giới cho biết khoảng một triệu mẫu đất nông nghiệp bị tịch thu cho các dự án phát triển từ 2001 đến 2010, và hơn 700,000 vụ tranh chấp về đất đai được ghi nhận trong vòng ba năm qua, đa số liên quan đến sự bồi thường⁵⁵.



Công an cưỡng chiếm đất của Đoàn Văn Vươn và gia đình ông năm 2011

Sự tức giận và thất vọng lan tràn, làm nổ ra một **phong trào phản kháng lớn lao** được gọi là “*Dân oan*”. Khởi đầu hồi cuối thập niên 1980, phong trào bùng nổ trong những năm gần đây. Hàng trăm nghìn nông dân thường xuyên đi từ vùng thôn quê ra Hà Nội hay lên thành phố Hồ Chí Minh cắm trại bên ngoài Trụ sở Tiếp dân của chính phủ hay Quốc Hội đòi hỏi giải quyết sự kêu than của họ. Phản ứng của chính quyền là bắt giam và tấn công những người phản kháng ôn hòa. Trong nỗ lực ngăn chặn các sự phản đối như thế, vào năm 2005, chính quyền đã thông qua Nghị Định 38, cấm đoán



Dân Công giáo chống việc chiếm đất tại Cần Dầu

mọi cuộc biểu tình bên ngoài các công sở, và Thông Tư 09, cấm đoán mọi cuộc tụ tập quá 5 người khi chưa được nhà chức trách cho phép⁵⁶.

Nhà chức trách thường sử dụng bạo lực quá khích và tùy tiện để bắt giữ, trấn áp sự phản đối chống việc **chiếm đoạt đất đai của nhà nước và cưỡng bách trục xuất**, qua một vài biến cố nghiêm trọng trong năm 2012. Ngày 24 tháng Tư 2012, tại Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, 3,000 nhân viên thuộc lực lượng An ninh đã cưỡng bách trục xuất 166 gia đình khỏi đất đai của họ để xây dựng

dự án phát triển to lớn (Ecopark), gây thương tích và bắt giữ nhiều dân làng. Ngày 9 tháng Năm 2012, tại Vụ Bản, tỉnh Nam Định, hàng trăm công an chống rối loạn trang bị gậy điện tìm cách trục xuất nông dân địa phương khỏi đất đai của họ. Nông dân, đa phần là phụ nữ và người già, đội khăn tang thực hiện cuộc tọa kháng ôn hòa. Nhiều người bị thương hay bị bắt giữ khi công an hung bạo giải tán cuộc phản đối ôn hòa của họ. Tháng Tư 2014, sự phản đối của hàng trăm người kháng cự lại sự trục xuất ra khỏi các ngôi nhà của họ tại Dương Nội, gần Hà Nội, đã bị công an trấn áp bằng bạo lực, có ít nhất bảy người bị bắt giữ. Đôi khi, sự cưỡng bách trục xuất gây nhiều hậu quả bi thảm. Tại Tiên Lãng, gần Hải Phòng, tháng Giêng năm 2012, nông dân **Đoàn Văn Vươn** kháng cự sự trục xuất cưỡng bách gia đình anh khỏi vùng đất mà anh đã bỏ ra 18 năm trời để biến cải từ đầm lầy bỏ hoang thành trại nuôi cá. Trong sự tuyệt vọng, anh đã dùng súng hoa cải bắn vào công an, gây thương tích cho sáu viên chức, và

⁵⁴ “In Vietnam, rage growing over loss of land rights”, Associated Press, <http://bigstory.ap.org/article/vietnam-rage-growing-over-loss-land-rights>

⁵⁵ “Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012.

⁵⁶ Thông Tư số 09/2005/TT-BCA.

đã bị kết án 5 năm tù. Dù khó tha thứ cho hành vi bạo động, nhưng vụ án Đoàn Văn Vươn minh chứng cho mối thất vọng sâu xa của người nông dân chống bất công trước hệ thống xâm phạm quyền đất đai hiện nay.

Tại giáo xứ Công Giáo **Cồn Dầu**, ngoại ô Đà Nẵng, miền Trung Việt Nam, nhà chức trách đã cưỡng bách trục xuất các gia đình và san bằng nhà cửa để xây dựng khu nghỉ dưỡng du lịch xa hoa. Khu vực của Cồn Dầu có cả một nghĩa trang đã được giáo dân Công Giáo sử dụng hơn 135 năm. Trong năm 2010, khi việc trục xuất khởi diễn, công an đã can thiệp để ngăn chặn một vụ mai táng, gây hỗn loạn nghiêm trọng và bắt giữ 59 người. Hàng trăm gia đình đã bị trục xuất. Nhiều cuộc đột kích khác đã diễn ra hôm 27 tháng Ba 2014, khi công an đến từ lúc rạng sáng với xe ủi đất phá đổ vài ngôi nhà. Tháng Ba 2014, các chuyên viên LHQ về gia cư, văn hóa, dân tộc ít người, và tôn giáo đã đưa ra bản tuyên bố chung tố giác biến cố này như *“một trường hợp giành chiếm rõ ràng đất đai làm lợi cho các nhà kinh doanh tư nhân và gây thiệt hại cho các cộng đồng địa phương”*, và kêu gọi Việt Nam hãy khẩn cấp can thiệp nhân danh các cư dân còn sót lại sau cùng⁵⁷.

Công dân nào **tố giác sự chiếm đoạt đất đai của nhà nước** sẽ bị trả thù nghiêm trọng. Tháng Mười 2013, **Nguyễn Mạnh Hà**, cựu thanh tra thuộc cơ quan Thanh Tra Chính Phủ Việt Nam, và đồng sự của ông, **Trần Anh Hùng**, đã tiết lộ cho báo chí bản dự thảo báo cáo của chính phủ về một dự án phát triển đô thị bị tranh cãi tại Đà Nẵng, chỉ trích nặng nề giới chức trách địa phương. Họ cho biết lý do tiết lộ bản văn cho giới truyền thông nhằm giúp đỡ cư dân có chứng liệu khiếu nại. Hai người này đã bị kết án lần lượt năm và sáu năm tù vì tội *“cố ý làm lộ bí mật Nhà Nước”* (Điều 263.2 của Bộ Luật Hình Sự).

Đất rừng là vấn đề đặc biệt tại Việt Nam, nhất là đối với các dân tộc ít người. Sinh sống chính yếu tại các khu vực cao nguyên núi rừng, họ lệ thuộc vào lâm nghiệp nhiều hơn người Kinh. Song tại Cao Nguyên Trung Phần, chỉ có 3% gia đình có quyền dài hạn đối với đất rừng⁵⁸. Các Doanh Nghiệp Lâm Sản Nhà Nước hiện kiểm soát 40% trên số 11 triệu mẫu đất được xếp loại là rừng, và chỉ một tỷ lệ nhỏ của số này được phân phối cho các gia đình. Những chương trình quan trọng của chính phủ bảo vệ rừng và ngăn chặn việc phá rừng, chẳng hạn như Chiến Lược Lâm Nghiệp 2006-2020, đã tác động tiêu cực trên các dân tộc ít người. Được quyết định ở cấp quốc gia với sự tham khảo rất hạn chế của cư dân địa phương tại các khu vực này, những chương trình này chỉ cứu xét rất ít, hay chẳng cứu xét gì đến nạn nghèo đói và sự cải thiện sinh nhai. Nhiều dân tộc thiểu số sinh sống tự do trong rừng nay phải nằm dưới sự bảo vệ nghiêm ngặt. Vì nhà chức trách chẳng đề ra những phương cách thay thế để tồn tại, họ nhận thấy mình bị tước đoạt kế sinh nhai, và thiếu phương tiện để tồn tại⁵⁹.

Vấn đề quyền đất đai tác động nghiêm trọng đến giới phụ nữ. Luật pháp không được thi hành, mà dân thì thiếu tổ tường, thiếu thông tin, nạn tham nhũng của viên chức lan tràn, và thiếu cả nền tư pháp khách quan tại Việt Nam, đã đưa đến sự xâm phạm hàng loạt quyền đất đai của phụ nữ. Dù Luật Đất Đai tu chính cho phép người phụ nữ được đăng ký Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cùng với chồng của họ, nhưng điều này không được thi hành rộng

⁵⁷ *“Trường hợp chiếm đoạt đất đai tại Việt Nam cần phải được thảo luận một cách khẩn cấp”*, Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về quyền Gia cư, Raquel Rolnik, Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ trong lãnh vực các quyền Văn hóa, Farida Shaheed, Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, Heiner Bielefeldt và Chuyên Viên Độc Lập LHQ về các vấn đề các nhóm thiểu số, Rita Izsák, 26 Tháng Ba 2014. <http://www.ohchr.org/en/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=14438&LangID=E>

⁵⁸ Thống kê thu thập từ Cuộc Khảo Sát Tiêu Chuẩn Sinh Hoạt Gia Đình Việt Nam, 2004, được Ngân Hàng Thế Giới trung dẫn bởi.

⁵⁹ *Cùng nơi dẫn trên.*

rãi, mà hậu quả là người phụ nữ mất quyền thừa hưởng đất đai⁶⁰. Những quả phụ thấy mình bị truất hữu mà chẳng được bồi thường tối thiểu nào khi chồng qua đời. Ngân hàng từ chối không cho quả phụ vay tiền, vì Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất chỉ ghi tên người chồng đã từ trần. Đặc biệt là giới phụ nữ thuộc dân tộc ít người bị trừng phạt, vì các quy định không hề được phiên dịch sang ngôn ngữ họ.

Các Điều 12 & 13 : Quyền chăm sóc Y Tế và Giáo Dục

12.1 : Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của mọi người đạt tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể có.

13.1 ; Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền được hưởng nền giáo dục cho mọi người.

13.2a : Giáo dục tiểu học phải có tính chất cưỡng bách và cung cấp miễn phí cho mọi người.

Kinh tế thị trường theo chính sách *đổi mới* đã hạn chế một cách nghiêm trọng sự tiếp cận các dịch vụ xã hội căn bản cho người nghèo, chẳng hạn như y tế và giáo dục. Chính quyền Việt Nam đã chấp thuận chính sách gọi là “*xã hội hóa*”, nhấn mạnh đến việc chia sẻ các phí tổn xã hội và trách nhiệm về y tế và giáo dục giữa cá nhân và nhà nước. Trong bản báo cáo năm 2012, Ngân Hàng Thế Giới lấy làm tiếc rằng chính sách này đã dẫn tới “*sự gia tăng chênh lệch xã hội, kể cả sự ghi danh tại trường học và sự tiếp cận các dịch vụ y tế*”⁶¹. Trong thực tế, với sự du nhập “các lệ phí của người sử dụng” trong hơn hai thập niên trước đây, y tế và giáo dục đã trở nên “sản phẩm phải trả tiền”, trừng phạt các gia đình nghèo và buộc nhiều trẻ em nghèo, đặc biệt các bé gái, phải bỏ học ở lứa tuổi rất trẻ.

Về Giáo dục — Đặc biệt trẻ em thuộc dân tộc ít người bị yếu thế : có tới 20% thanh nữ thuộc dân tộc ít người báo cáo rằng họ chưa hề đến trường học⁶². Nói chung, một trong ba trẻ em dân tộc ít người không nhận được giáo dục cấp hai, và chỉ có 50% trẻ em tại vùng cao nguyên Tây Bắc hoàn tất bậc tiểu học, so với 90% tại Châu Thổ sông Hồng.

Thiếu giáo dục có nghĩa là thiếu cơ hội, và đây là một yếu tố khác nữa trong sự gia tăng bất bình đẳng xã hội tại Việt Nam. Phẩm chất giáo dục không đồng đều khởi từ lứa tuổi còn trẻ. Thí dụ, tại Quảng Nam, “*sự cách biệt có thể thấy từ trình độ mẫu giáo. Các gia đình nghèo, những gia đình cố gắng hết sức, có thể gửi con cái của họ đến các trường với tốn phí 500,000 đồng Việt Nam [24 Mỹ Kim] mỗi tháng. Các gia đình khá giả hơn, ngược lại, gửi con cái họ đến*



Một trường học cho trẻ em dân tộc ít người

⁶⁰ US Aid, Vietnam : Property Rights and Resource Governance Profile 1, 2013.

⁶¹ “Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges”, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012. (xem chú thích 3)

⁶² Chuyên Viên Độc Lập LHQ về Nhân Quyền và Sự Nghèo Đói Cùng Cực, xem chú thích 5.

các trường then chốt mà phí tổn từ 700,000 đến 900,000 đồng mỗi tháng. Khẩu phần và các dịch vụ chăm sóc ở các trường này hoàn toàn khác biệt”⁶³.

Tham nhũng và nạn hối lộ của các viên chức ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi cơ hội tiếp cận giáo dục. Học sinh nghèo tốt nghiệp đại học thường không thể tìm được việc làm tốt, vì họ không thể trả các khoản dứt lốt mà các cơ quan tuyển dụng đòi hỏi, trong khi “*nhiều kẻ với thành tích học tập yếu kém hơn, bằng cách nào đó đã vượt qua các kỳ khảo hạch đại học và có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp*”⁶⁴.

Sự giảng dạy lịch sử tại các trường học ở Việt Nam không phù hợp với các điều khoản của Công ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR). Sau cuộc thăm viếng tại Việt Nam hồi tháng Mười Một 2013, Báo Cáo Viên Đặc Biệt của LHQ về Quyền Văn Hóa, bà **Farida Shaheed**, đã bày tỏ sự tiếc nuối rằng “*chỉ có độc một quyển sách lịch sử được dùng tại các trường học*” ở Việt Nam⁶⁵. Bản báo cáo của bà năm 2013 trình Đại Hội Đồng LHQ, bà Shaheed nhấn mạnh rằng “*việc giảng dạy lịch sử phải được phát huy tư tưởng phê bình, học tập phân tích và tranh luận, giúp cho sự đối chiếu và đa quan điểm thay vì khuôn đúc trẻ em vào cái nhìn một chiều. Điều này bó buộc phải sử dụng nhiều tài liệu giảng dạy, bao gồm các sách giáo khoa của nhiều nhà xuất bản.*”⁶⁶

Hai tổ chức **Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (FIDH)** và **Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR)** có trong tay bộ sách giáo khoa về lịch sử được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam ấn hành năm 2013, và đồng tình với sự quan ngại của bà Báo Cáo Viên Đặc Biệt về Văn hoá của LHQ. Sách giáo khoa của Việt Nam không những mang tính chất một chiều, mà còn khẳng định những biến cố lịch sử đang bị các sử gia hiện đại tại Việt Nam tranh luận nghiêm trọng⁶⁷. Vì thế, điều đáng tiếc là các em học sinh không được tiếp cận với các sách lịch sử nào khác ngoài các sách giáo khoa được Nhà Nước ấn hành.

Các vị hàn lâm và thầy giáo nổi tiếng tại Việt Nam cũng nêu lên sự quan ngại về vấn đề này. Trong năm 2011, nhiều thầy giáo kinh hoàng trước bản thống kê cho thấy hơn 90% học sinh có điểm số dưới trung bình về môn lịch sử trong các kỳ thi tuyển vào đại học. Giáo sư **Dương Trung Quốc**, đại biểu Quốc Hội và Tổng Thư Ký Hội Sử Học Việt Nam, nói rằng việc giảng dạy sử ký đã bị “*chính trị hóa*” quá đáng, khiến cho học sinh không tha thiết môn này. “*Việc giảng dạy lịch sử tại các trường học đã trở thành một đấu trường cho sự tuyên truyền, được thiết kế để tiêm nhiễm vào học sinh một số các giá trị bị áp đặt từ trên xuống*”. Ông cho biết “*lịch sử Việt Nam trải qua hàng mấy chục năm hướng vào mục tiêu “giải phóng dân tộc”, “bốn nghìn năm đi vào trận đánh”, cho nên nó dẫn đến việc “chính trị hoá” nền sử*

⁶³ *Well Begun, not yet done : Vietnam’s remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges*, World Bank in Vietnam, Hanoi 2012. (xem chú thích 3)

⁶⁴ *Cùng nơi dân trên*, 2012 World Bank Report : Báo Cáo Ngân Hàng Thế Giới 2012.

⁶⁵ Báo Cáo Viên Đặc Biệt trong lãnh vực các quyền Văn hóa, thăm viếng Việt Nam, 18-29 tháng Mười Một, 2013, Các kết luận và khuyến cáo sơ bộ. <http://www.ohchr.org/EN/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=14038&LangID=E>

⁶⁶ Báo Cáo Viên Đặc Biệt trong lãnh vực các quyền Văn hóa, Cùng nơi dẫn chú thích 74.

⁶⁷ Thí dụ, sách *Lịch Sử lớp 9 về “Lịch Sử Đương Đại Việt Nam từ 1945 đến ngày nay”* (số tham khảo 2H91613, Nhà Xuất Bản Bộ Giáo Dục, Thành Phố Hồ Chí Minh) trình bày Sự Cải Cách Ruộng Đất tại Miền Bắc Việt Nam (1953-1956) như một “sự thành công vĩ đại”, ghi nhận rằng “một số sai lầm nào đó đã phạm phải” nhưng tức thời được Đảng sửa sai. Song nhiều đảng viên, các học giả và dân chúng từ quốc gia Bắc Việt Nam trước đây cho hay rằng có thể có đến hàng trăm nghìn người đã bị hành quyết một cách oan trái trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất. Theo quyển “*Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam*”, Tập 2, 2005, Đặng Phong thuộc Viện Kinh Tế Học, Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam biên tập, sự động viên quần chúng và chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất đã được phóng ra tại 3,314 xã có tổng số dân cư là 10 triệu người. Quyển sách kết luận rằng 71.66% nạn nhân đã bị quy thành phần sai lầm trong chiến dịch này. Điều này tương phản một cách rõ rệt với phiên bản tường thuật các biến cố của sách giáo khoa.

học ấy. Nếu trong thời kỳ chiến tranh, thì người ra sẵn sàng bỏ qua tất cả, với định hướng chỉ để chiến thắng. Nhưng rõ ràng là hoà bình thì lại khác. Chính vì thế yếu tố “chính trị hoá” đã làm xói mòn lịch sử, mất đi sự tin cậy vào lịch sử ấy. Điều này phản ánh trong sách giáo khoa, trong hệ thống giảng dạy, hệ thống tuyên truyền”⁶⁸.

Nền giáo dục nhân quyền cũng là vấn đề đáng quan ngại. Việt Nam đã ký kết gia nhập một số công ước nhân quyền chủ yếu và hiện là thành viên của Hội Đồng Nhân Quyền LHQ, thế mà sách giáo khoa huấn luyện cho các trường và các đại học lại giải thích nhân quyền chẳng phù hợp tí nào với nhân quyền được quốc tế công nhận. Năm 2012, Bộ Tư Pháp ấn hành một loạt sách giáo khoa cho các trường học và đại học qua chiến dịch nâng cao sự hiểu biết về luật pháp cho quần chúng. Một trong các sách này, mang tựa đề **“Một Số Kiến thức Pháp Luật về Quyền con người : Cẩm nang của thầy giáo phụ trách các lớp về giáo dục công dân và luật pháp”**, đòi hỏi các thầy giáo phải huấn luyện nhân quyền cho học sinh theo luận điểm “Những giá trị Á Châu” vốn bác bỏ tính phổ quát của nhân quyền, trái ngược với Công ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR) :

“Trong một thế giới ngày càng đa dạng, khi tiếp cận và xử lý vấn đề quyền con người cần kết hợp hài hòa các chuẩn mực, nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế với những điều kiện đặc thù về lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội, các giá trị văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán của mỗi quốc gia và khu vực. Không một nước nào có quyền áp đặt mô hình chính trị, kinh tế, văn hoá của mình cho một quốc gia khác.[...] Đồng thời, các quyền và tự do của mỗi cá nhân chỉ có thể được bảo đảm và phát huy trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích chung của dân tộc và cộng đồng ; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ đối với xã hội.

“Do khác biệt về hoàn cảnh lịch sử, chế độ chính trị, trình độ phát triển, giá trị truyền thống văn hóa... nên cách tiếp cận về quyền con người của mỗi quốc gia có thể khác nhau. Việc hợp tác và đối thoại giữa các quốc gia để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là một yêu cầu cần thiết và khách quan. Việt Nam cho rằng không nước nào có quyền sử dụng vấn đề quyền con người làm công cụ can thiệp vào công việc nội bộ các quốc gia, gây đối đầu, gây sức ép chính trị, thậm chí sử dụng vũ lực hoặc làm điều kiện trong quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại... với nước khác.”⁶⁹

Chăm sóc y tế

Quyền được chăm sóc y tế cũng bị **nạn tham nhũng lan tràn** chế tài nghiêm trọng. Cuộc điều tra của truyền thông Việt Nam phát hiện rằng giá cả dược phẩm bị thổi phồng một cách gian dối lên tới 500% do sự thông đồng giữa các công ty dược phẩm và các bệnh viện. Các tờ báo do nhà nước kiểm soát, *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ*, tường thuật rằng các hãng dược phẩm thông đồng với các nhà chế tạo địa phương để đầu cơ giá cả và bán thuốc cho người tiêu thụ nhiều gấp năm lần giá nguyên gốc, bất kể lợi nhuận tối đa được luật pháp cho phép là 90%⁷⁰. Một cuộc khảo sát của Đại Học Dược Hà Nội năm 2011 báo cáo rằng từ 40 đến 60% giá cả đã được dùng để “thuyết phục” các bác sĩ cho toa những loại thuốc hoặc trả phí hoa hồng cho các bệnh viện. Nhiều bác sĩ thú nhận đã nhận tiền mặt hay không phải tiền mặt để bù đắp cho lương bổng thiếu hụt của mình, là điều được xem thông thường cho nguồn tăng nhập lợi tức

⁶⁸ “Sách giáo khoa hiện nay làm học sinh không tin cậy vào môn lịch sử”, phỏng vấn Giáo Sư Dương Trung Quốc, *Lịch sử Việt nam*, 14 tháng Mười 2013.

⁶⁹ “Một Số Kiến thức Pháp Luật về Quyền con người : Dành cho giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, môn Pháp luật, Bộ Tư Pháp” ; Vụ Phổ biến, Giáo dục Pháp luật về Quyền Con Người, Hà Nội.

⁷⁰ Báo Thanh Niên, 13 tháng Bảy 2012, Thành Phố Hồ Chí Minh, <http://www.thanhniennews.com/society/inflated-drug-prices-aggravating-burden-of-healthcare-6233.html>

khi các công nghiệp được phẩm tặng dữ hoa hồng⁷¹. Chính quyền vốn biết rõ lỗi xử sự này, nhưng chẳng có hành động thích ứng trước vấn nạn này.

Nhiều người Việt Nam không được chăm sóc y tế vì giá thuốc quá đắt, mà đa số các loại thuốc lại không được hệ thống y tế quốc gia bảo hiểm. Theo báo cáo năm 2013 của tổ chức từ thiện **Oxfam**, giá các dược phẩm (mới) được cấp phép tại Việt Nam cao 50 lần hơn so chiếu với giá cả quốc tế, nhiều bệnh nhân mắc chứng nan y như ung thư hay Hepatitis B hoặc HIV-AID không được chữa trị, đơn giản vì họ không có tiền trả giá quá cao⁷².

Sự kỳ thị trong việc chăm sóc y tế bị cản trở nghiêm trọng cho số người sử dụng ma túy hay nghiện ngập ngày càng gia tăng, nhiều người trong họ bị nhiễm HIV. Ngày nay, một phần tư trong số triệu người Việt Nam sống với bệnh HIV⁷³, nhiều người trong họ sử dụng ma túy. Dù chính quyền thực hiện một số nỗ lực trong những năm gần đây, người sử dụng ma túy hay nhiễm HIV bị gán cho tội “xấu xa xã hội” và nạn nhân phải gánh chịu nặng nề cho quyền lợi họ. “*Những kẻ nhiễm dương tính HIV phải chích ma túy đối diện với đủ điều sỉ nhục. Họ cố giấu tình trạng nhiễm HIV đối với gia đình và cộng đồng, khiến họ không chịu đi xét nghiệm và chữa trị rất chậm trễ,*” theo lời Bác Sĩ **Lộc Thanh Hải**, Trưởng Phòng Điều Trị Bệnh Nhân Ban Ngày tại Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thanh Hóa⁷⁴. Nhiều người bị cho nghỉ việc khi bị nhiễm dương tính HIV và phải chịu đủ thứ nhục nhã.

Một cuộc nghiên cứu gần đây dưới tiêu đề “*Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến việc chích ma túy và nhiễm HIV tại Việt Nam : Tài liệu hướng dẫn hoạt động*” được Viện Nghiên Cứu Phát Triển Xã Hội và Trung Tâm Quốc Tế Nghiên Cứu về Phụ Nữ ấn hành, đưa ra giai thoại minh chứng hùng hồn về sự xấu hổ và chán thương. Cuộc nghiên cứu cho thấy những vi phạm rộng rãi đối với kẻ chích ma túy và nạn nhân HIV trên các quyền được bình đẳng và có phẩm giá, quyền được tự do từ chối hạ thấp sự chữa trị, quyền được hưởng sự chăm sóc y tế, giữ kín đáo riêng tư và quyền làm việc. Các cơ quan trên đây kêu gọi Việt Nam thực hiện những quyền cơ bản tiếp cận những chính sách hướng dẫn công cộng để giải quyết vấn nạn nghiêm trọng này⁷⁵.



Bùn đỏ độc hại do việc khai thác Bô-xit trên Cao nguyên Trung phần

Dù Việt Nam đã ký kết (nhưng chưa phê chuẩn) Công Ước về Quyền của Người Khuyết tật (CRPD) hồi tháng Mười 2007, nhưng ít điều đã thực hiện nhằm cải thiện tình trạng của những kẻ thất thế. **Những trẻ em mắc bệnh tự kỷ đối diện nhiều vấn đề nghiêm trọng.** Bệnh Viện Nhi Khoa Quốc Gia đặt tại Hà Nội báo cáo rằng số các trẻ em được chẩn đoán mắc bệnh tự kỷ trong năm 2007 cao hơn 50 lần so với năm 2000, nhưng lại chẳng có các trường công lập dành cho trẻ em mắc chứng tự kỷ. Cha mẹ

của trẻ em mắc chứng tự kỷ bó buộc phải bỏ công ăn việc làm di chuyển ra các thành phố lớn, nơi có các trường chuyên khoa tư nhân chữa trị. Nhưng các trường này đắt đỏ mà trẻ em bị

⁷¹ Idem.

⁷² “Putting Public Health at Risk : US Proposals under TTPA to exacerbate Vietnam’s access to medicines crisis”, Oxfam, 4 tháng Ba 2013.

⁷³ Cáo 2013 UN AIDS (UN AIDS 2013 report), <http://www.unaids.org/en/dataanalysis/datatools/aidsinfo/>

⁷⁴ “Early HIV treatment : Tackling HIV among injecting drug users in Vietnam”, WHO, Vietnam, July 2014. <http://www.who.int/features/2014/tackling-hiv/en/>

⁷⁵ “Understanding and Challenging Stigma towards Injecting Drug Users and HIV in Vietnam : Toolkit for action”, Institute of Social Development Studies and the International Center for Research on Women, Hanoi 2011. <http://www.icrw.org/files/publications/Toolkit%20for%20action%20-%20Reducing%20stigma%20toward%20drug%20addiction%20and%20HIV%20in%20Vietnam.PDF>

đổi xử bạc bẽo. Một phóng viên tờ *Thanh Niên* trải qua hai tuần làm việc bí mật với máy thu hình giấu kín tại trường Tiểu học đặc biệt Anh Vương ở Thành Phố Hồ Chí Minh đã thu được các khúc phim về việc thường xuyên sử dụng đánh đập và lạm quyền đối với trẻ em tàn tật tại ngôi trường không có giấy phép này⁷⁶.

Những dự án đầu tư được thực hiện tại Việt Nam cũng dẫn đến việc vi phạm quyền y tế của những ai tác động tới dự án. Dự án đặc biệt gây tranh cãi là dự án khai khoáng bauxite tại Cao Nguyên Trung phần. Dự án 15 tỷ Mỹ Kim được chính quyền Việt Nam cho đại công ty khai khoáng Trung Quốc, Chinalco, khai mỏ quặng bauxite để sản xuất alumina (bột dùng để chế tạo ra nhôm). Cuộc khai quật này đã bóc các vạt sườn núi bao la đầy cây cối, thải rác khắp các thung lũng và để lại các gò bùn đỏ độc hại. Ngoài tác động trên các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa khác (như cưỡng bách trục xuất các dân tộc ít người trong khu vực), những dự án này còn gây tác động nghiêm trọng lên sức khỏe người dân. Tại tỉnh Lâm Đồng, nơi tổ hợp Aluminum-bauxite Tân Rai hoạt động trong hai năm qua, dân chúng địa phương đang phải hứng chịu vấn đề hô hấp và viêm nhiệt thường trực, mùa màng bị phá hủy, và nhiều người dân địa phương đã bị buộc phải dời đi vì không chịu nổi mùi hôi thối từ các lò bauxite⁷⁷. Các chuyên viên, nhà khoa học, và nhiều nhà hoạt động khác nhau cùng những người bảo vệ nhân quyền, kể cả nhà lãnh đạo Phật Giáo bất đồng chính kiến, Hòa thượng **Thích Quảng Độ**, đã công khai chỉ trích dự án như một “thảm họa môi trường”. Tuy nhiên, chính quyền vẫn tiếp tục sự khai thác bauxite bất kể các hiệu ứng độc hại. Thế nhưng Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng tuyên xưng như “*một chính sách lớn của Đảng Cộng Sản*”.

Điều 15 : Các Quyền Văn Hóa

15.1a : Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận mọi người đều có quyền được tham gia vào đời sống văn hóa ; cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo.

Hiến Pháp Việt Nam năm 2013 nêu quyền thực hiện sự nghiên cứu khoa học và công nghệ, tham gia vào sự sáng tạo văn chương và nghệ thuật, và tham dự vào sinh hoạt văn hóa (các Điều 41 và 42), và báo cáo quốc gia của Việt Nam trình lên Ủy Ban CESCER đưa ra một danh sách dài những luật quy định khuôn khổ của quyền này. Tuy nhiên, sự khác biệt nằm ở từ ngữ **tự do**, điều mà Ủy Ban CESCER xem là không thể thiếu được cho sự sáng tạo nghệ thuật và nghiên cứu khoa học. Tại Việt Nam, các nghệ sĩ, các nhà hàn lâm và các nhà khoa học không có tự do. Chính quyền và Đảng CSVN định nghĩa văn hóa như một công cụ cho “*việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Xã Hội Chủ Nghĩa*”⁷⁸. Trên căn bản, các khái niệm không được định nghĩa rõ ràng về “*việc bảo tồn các truyền thống tốt đẹp*” hay “*vứt bỏ các cách thức xấu xa*”. Nhà nước có thể cho phép hay cấm đoán một cách tùy tiện những hoạt động văn hóa. Không có định nghĩa về không gian hay các giới hạn của sự sáng tạo hoặc nghiên cứu và không ai biết công việc của mình rơi vào phía nào trên lần ranh vô hình này.

⁷⁶ “*Cha mẹ các trẻ em mắc chứng Tự Kỷ tại Việt Nam tức giận về việc thiếu các nguồn tài liệu Giáo dục*”, Báo Thanh Niên, Thành Phố Hồ Chí Minh, 4 tháng Tám 2014.

⁷⁷ “*Bệnh tật, mùi hôi thối do việc khai thác bauxite hủy hoại một tỉnh Việt Nam*”, báo Tuổi Trẻ, 17 tháng Chín 2014. <http://tuoitrenews.vn/features/22495/sickness-foul-smell-from-bauxite-mining-mar-vietnam-province> (accessed 18/9/2014)

⁷⁸ Luật Báo Chí CHXHCNVN 1999, Điều 6.2 (1999 SRV Press Law, Article 6.2).

Không có các nhà xuất bản do tư nhân sở hữu tại Việt Nam. Ngay các cộng đồng tôn giáo cũng không thể in ấn kinh sách của chính họ. Không có báo chí hay truyền thông độc lập. Sự thâm nhập mạng lưới Internet thì cao tại Việt Nam (hơn 30% dân số có sự tiếp cận tới mạng lưới Internet. Các trang mạng blog cá nhân được cực kỳ ưa chuộng. Tuy nhiên, liên mạng Internet, các trang mạng cá nhân blogs và các mạng lưới xã hội chẳng hạn như Facebook phải chịu mọi sự hạn chế pháp lý và kiểm soát. Những người mở trang blog cá nhân, các văn sĩ, các nghệ sĩ bày tỏ quan điểm phê bình chính sách của chính quyền có nguy cơ bị phạt tiền hay bị truy tố theo các điều khoản soạn thảo một cách mơ hồ trong Bộ Luật Hình Sự về “*an ninh quốc gia*” hay “*xâm phạm các quyền lợi nhà nước*” (xem “Khung pháp lý” trên đây).

Sau cuộc thăm viếng Việt Nam hồi tháng Mười Một năm 2013, Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Các Quyền Văn Hóa, bà **Farida Shaheed**, đã bày tỏ sự quan tâm đặc biệt về sự sử dụng Điều 88 của Bộ Luật Hình Sự về “*việc tuyên truyền chống Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam*” để bỏ tù các nghệ sĩ. Bà đã kêu gọi Việt Nam “*Bảo đảm nhiều hơn cho sự tự do phát biểu nghệ thuật và sự sáng tạo, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế*”⁷⁹. Điều 88 quy định các án tù giam lên tới 20 năm. Trong năm 2012, hai nhạc sĩ trẻ, **Việt Khang** và **Trần Vũ Anh Bình**, đã bị kết án lần lượt bốn và sáu năm tù kèm theo hai năm quản chế tại gia sau đó, chiếu theo Điều 88 vì đã viết các bài nhạc phản đối chính quyền Việt Nam đàn áp các cuộc biểu tình ôn hòa chống Trung Quốc xâm lăng lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam.

Pháp luật về các quyền văn hóa được trưng dẫn trong bản báo cáo của Việt Nam chứa đựng những điều khoản giới hạn được định nghĩa rất mơ hồ và không phù hợp với Ủy Ban CESCR. Chúng bao gồm :

- **Luật Xuất Bản** (2004), cấm đoán một loạt các hoạt động ấn hành chẳng hạn như “phổ biến các ý thức hệ phản động, các tội lỗi xã hội, các mê tín dị đoan, phá hoại các truyền thống hay các phong tục tốt đẹp, phủ nhận các thành quả cách mạng” ;
- **Luật Điện Ảnh** (2006) và **Nghị Định Thi Hành** của nó (2010), cấm đoán các hành vi được xem là “*phổ biến tuyên truyền chống lại CHXHCNVN, phá hoại đại đoàn kết dân tộc*” hay cả việc “*gây cảm giác hoang loạn, mê muội trước các lực lượng siêu nhiên, ma quái*” ;
- **Luật Di Sản Văn Hóa** (2001, được tu chỉnh trong năm 2009) cấm đoán “*lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện những hành vi khác trái pháp luật*” (điều 13.5) ; đạo luật quy định rằng nhà nước được ủy nhiệm để “*bảo vệ, phát huy những thuần phong mỹ tục trong lối sống, nếp sống của dân tộc ; bài trừ những hủ tục có hại đến đời sống văn hóa của nhân dân*” (điều 22).
- **Nghị Định 97** (2009), giới hạn các tổ chức nghiên cứu tư nhân vào một danh sách 317 đề tài và cấm các tổ chức này ấn hành những kết quả liên hệ đến các chính sách chính phủ⁸⁰. Viện Nghiên Cứu Phát Triển Việt Nam, viện nghiên cứu độc lập đầu tiên của Việt Nam, đã quyết định đóng cửa hơn là chịu đặt mình dưới các phán lệnh của Đảng Cộng Sản Việt Nam. “*Không thể giới hạn quyền nghiên cứu về đời sống vào một danh sách, cho dù danh sách dài đến đâu đi nữa*”. Viện này tuyên bố trên trang mạng của

⁷⁹ Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về quyền Văn hóa, thăm viếng Việt Nam, 18-29 tháng Mười Một, 2013, Kết luận và khuyến cáo sơ bộ.

<http://www.ohchr.org/EN/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=14038&LangID=E>

⁸⁰ “*Luật mới ở Việt Nam đóng cửa Viện Nghiên cứu độc lập*”, DPA, 15 tháng Chín, 2009.

mình : “Các điều khoản như thế sẽ trói tay các nhà khoa học nghiên cứu một cách độc lập”. Nghị Định 97 áp dụng cho mọi tổ chức đăng ký với Liên Hiệp Các Hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam (VUSTA). Do có nhiều nhóm xã hội dân sự gia nhập Liên Hiệp VUSTA, Nghị Định 97 là một cản trở nghiêm trọng cho sự nghiên cứu và tự do phát biểu tại Việt Nam.

- **Nghị Định 72 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và nội dung thông tin trên mạng** (2013), đòi hỏi các công ty và các nhà cung cấp Liên Mạng Internet tại Việt Nam phải hợp tác với chính phủ để thi hành sự cấm đoán một loạt các hành vi phát biểu được ấn định một cách mơ hồ⁸¹. “Các hành vi bị cấm đoán” gồm “lợi dụng các điều khoản và sử dụng liên mạng và thông tin trên mạng” để “chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc ; “đưa thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân”, và “phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc” (Điều 5). Điều 25 đòi hỏi việc sàng lọc bất kỳ tin tức nào trên mạng Internet dựa trên sự giải thích rằng thông tin như thế nằm trong “các hành vi bị cấm đoán” được phác họa nơi Điều 5. Các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ Internet Ngoại Quốc sẽ phải cung cấp thông tin về các người sử dụng của họ khi được các bộ phận điều tra yêu cầu.

Nghị Định 72 cũng hạn chế tự do phát biểu trên **các mạng lưới xã hội**. Theo Điều 20, các trang mạng cá nhân (blog) và các trương mục mạng xã hội chỉ có thể đăng tải “tin tức có bản chất cá nhân”. Các người sử dụng bị ngăn cấm không được đăng tải “thông tin tổng hợp” như các bài báo trên trương mục của mình. Trong tháng Mười 2013, người sử dụng mạng **Đinh Nhật Uy** đã nhận một bản án 15 tháng tù treo vì việc đăng tải các bài báo và các ý kiến phê bình trên trương mục Facebook của anh ta. Anh bị cáo buộc tội “lợi dụng các tự do dân chủ để xâm phạm quyền lợi của Nhà Nước” chiếu theo Điều 258 Bộ Luật Hình Sự.

Kỹ nghệ du lịch tăng trưởng tại Việt Nam phát sinh các tài nguyên đáng kể, nhưng đã có nhiều tác động nguy hại đến các quyền văn hóa của người dân, đặc biệt tại các khu vực dân tộc ít người. Trong những năm gần đây, chính phủ đã khuyến khích sự phục hồi nhiều nghi thức cổ xưa, các lễ hội, và truyền thống dân gian hầu lôi cuốn du khách đến các địa phương này. Tuy nhiên, như Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Quyền Văn Hóa nhận xét, “người dân địa phương không là kẻ được hưởng lợi chính yếu của nguồn thu nhập”. Chuyên viên LHQ đặc biệt quan tâm rằng “người dân được yêu cầu trình diễn chứ không phải sống với văn hóa của chính họ, hay lưu giữ các khía cạnh đặc biệt giả tạo trong văn hóa của họ nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch, hay, ngược lại, để sửa đổi một số khía cạnh nào đó trong văn hóa của họ hầu thỏa mãn các nhu cầu đó, chẳng hạn như thay đổi thực phẩm hay các khuôn mẫu nơi ở, hoặc lược bớt các phong tục”⁸².

Các hoạt động văn hóa của dân tộc ít người đều do Đảng Cộng sản Việt Nam ấn định, mà chẳng hề tham khảo dân chúng địa phương. Trong tháng Sáu 2013, Ủy Ban Trung Ương ĐCSVN đã chấp thuận một nghị quyết về việc “xây dựng và phát triển một văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”⁸³. **Hoàng Tuấn Anh**, Bộ Trưởng Văn Hóa, Thể Thao, và Du Lịch đã giải thích rằng chính phủ sẽ thi hành nghị quyết này tập trung vào việc “giáo dục

⁸¹ Nghị Định 72/2013/NĐ-CP về sự Quản lý, Cung cấp, Sử dụng các Dịch vụ Internet và Nội dung Thông tin Trực tuyến có hiệu lực kể từ 1 tháng Chín 2013.

⁸² Báo Cáo Viên Đặc Biệt về quyền Văn hóa, thăm viếng Việt Nam, 18-29 tháng Mười Một, 2013.

⁸³ Phiên họp khoáng đại thứ 5, Nghị Quyết số 8 của Ủy Ban Trung Ương Đảng, tháng Sáu 2013.

ý thức hệ, đạo đức, và cách sống văn minh, theo gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Bản báo cáo quốc gia của Việt Nam trình lên Ủy Ban CESCER nhấn mạnh hơn nữa rằng các chính sách này nhằm vào việc “bảo tồn một cách có tuyển lọc”, bảo toàn và phát huy các giá trị văn hóa điển hình, loại bỏ phần lỗi thời”⁸⁴. Những hoạt động bị “loại bỏ” bao gồm “mê tín dị đoan, truyền thống đốt vàng mã và các tật xấu xã hội” (đoạn 592). Do không có định nghĩa rõ ràng về “mê tín dị đoan” trong hệ thống pháp lý Việt Nam, chính sách này khiến người dân tộc thiểu số bị đàn áp và trừng phạt tùy tiện.



Hàng nghìn người dân tộc Hmong ở Tuyên Quang biểu tình chống việc bắt giam những tín đồ theo đạo Dương Văn Minh

“Hủ tục” thường được viện dẫn để trấn áp các quyền văn hóa. Tháng Ba năm 2014, bảy người dân tộc Hmong theo đạo Dương Văn Minh tại Tuyên Quang bị kết án tù đến hai năm trong một loạt các vụ xét xử vì họ thực hành nghi lễ tôn giáo của họ. Họ đã dựng lên “các nhà đòn” nơi thi hài người từ trần được giữ trước khi chôn cất để gia đình có thể đến thăm viếng người chết. Nhà chức trách đã kết án điều đó như là một “hành xử xấu xa”, nên đã phá hủy các nhà đòn, đánh đập và bắt giữ những kẻ chống đối. Bảy người Hmong bị truy tố về tội “lạm dụng các tự do dân chủ và các quyền để xâm phạm các quyền lợi của Nhà Nước” chiếu theo Điều 258 Bộ Luật Hình Sự.



Đập vỡ các tượng Phật tại vùng núi Bà Rá tỉnh Bình Phước

Tôn giáo và các sự cử hành nghi thức tâm linh có tính chất nền tảng đối với đời sống văn hóa, và tự do tôn giáo hay tín ngưỡng được ghi trong Hiến Pháp Việt Nam (Điều 24). Tuy nhiên, Việt Nam áp đặt **một hệ thống đăng ký và kiểm soát** không phù hợp với các luật nhân quyền quốc tế, và trừng phạt nghiêm trọng các tín đồ tôn giáo. Chỉ có những nhóm tôn giáo được nhà nước công nhận mới được phép thực hành các hoạt động tôn giáo, và mọi nhóm khác bị tuyên bố là bất hợp pháp.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) là tổ chức tôn giáo lớn nhất của Việt Nam, không được Nhà Nước công nhận, và các tín đồ của Giáo hội bị sách nhiễu quy mô, bị đe dọa, và quản chế tại gia tùy tiện. Kể từ phiên Kiểm Điểm Định Kỳ Phổ Quát (UPR) đầu tiên của Việt Nam hồi năm 2009, nhà chức trách đã tăng cường sự đàn áp các thành viên của GHPGVNTN, cấm đoán sự cử hành các lễ hội Phật Giáo quan trọng như Tết, Ngày Phật Đản (Vesak) và Vu Lan, đánh đập, quản

chế tại gia và canh chừng các Tăng sĩ thuộc GHPGVNTN, sách nhiễu Phật tử lui tới các chùa thuộc GHPGVNTN bị vu cáo “phản động” và đập phá các tượng Phật⁸⁵. Nhà sư thuộc

⁸⁴ Báo cáo quốc gia của Việt Nam với Ủy Ban CESCER, đoạn 556.

⁸⁵ Trong tháng Mười Hai 2012, Ban Tôn giáo Chính Phủ ra lệnh phá hủy các tượng Phật tại một địa điểm Phật Giáo ở núi Bà Rá, tỉnh Bình Phước để lấy chỗ xây dựng Trung tâm Du lịch. Ủy Ban được ủy nhiệm giám sát việc “gỡ bỏ” các bức tượng kết hợp các viên chức thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy Ban Nhân Dân và chức sắc thuộc Hội Tăng già Phật giáo Việt Nam (còn gọi là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam) do Nhà Nước thành lập.

GHPGVNTN **Thích Thanh Quang** đã bị bọn côn đồ được chính quyền thuê mướn hành hung, trước sự chứng kiến của công an, hồi tháng Tám năm 2012. Trong một vụ đàn áp Giáo Hội GHPGVNTN hồi tháng Giêng 2014, ni cô **Thích Nữ Đồng Hiếu** đã bị nhân viên an ninh tát tai cho đến khi bị ngất xỉu, và hàng trăm thành viên thuộc Gia Đình Phật Tử Việt Nam bị đặt dưới sự quản chế tại gia, kể cả người lãnh đạo phong trào, ông **Lê Công Cầu**⁸⁶. Công an đã tịch thu máy điện toán xách tay và điện thoại di động của ông và đe dọa truy tố ông vì việc đăng tải các bài viết trên Liên Mạng Internet ủng hộ Giáo Hội GHPGVNTN⁸⁷.

Nhà lãnh đạo Giáo Hội GHPGVNTN, **Thích Quảng Độ**, 86 tuổi, đã bị bắt giữ dưới các hình thức khác nhau của sự giam cầm trong hơn ba thập niên. Hiện bị quản chế tại Thanh Minh Thiền Viện, thành phố Hồ Chí Minh, dưới sự canh chừng thường trực của công an, và không được quyền tự do đi lại. Phái đoàn Nghị Viện Vương Quốc Anh viếng thăm Việt Nam năm 2013 bị nhà cầm quyền Việt Nam ngăn cản không cho gặp Đại Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ⁸⁸.



Công an mặc thường phục hành hung Hoà thượng Thích Thanh Quang thuộc GHPGVNTN tại chùa Giác Minh, tỉnh Đà Nẵng

Các tín đồ của mọi tôn giáo không được công nhận, kể cả Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành và Phật Giáo Khmer Krom phải chịu các sự hạn chế, sách nhiễu, và đe dọa tương tự trong mọi khía cạnh của cuộc sống hàng ngày.

Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Tự Do Tôn Giáo hay Tín Ngưỡng, **Heiner Bielefeldt**, đã thúc giục Việt Nam hãy cho phép các tôn giáo được hoạt động bên ngoài các luồng do nhà nước bảo trợ : *“Chấp thuận sự tự quản cho các cộng đồng tôn giáo được hoạt động một cách độc lập sẽ là một thách thức tiêu chuẩn cho sự phát triển tự do tôn giáo hay tín ngưỡng tại Việt Nam. Trong hiện tình, sự hoạt động độc lập của các cộng đồng tôn giáo bị hạn chế,*

Ông Nguyễn Hữu Tư, Phó giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh Bình Phước chỉ đạo việc phá hủy các tượng Phật. Đại đức Thích Ngô Chánh là người tổ giác sự đập phá và truyền tải các đoạn phim quay tại hiện trường cùng các cuộc phỏng vấn trên trang YouTube hồi tháng Năm 2013.

⁸⁶ Hàng trăm công an đàn áp, sách nhiễu và chặn đường ngăn cấm chư Tăng và Phật tử thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đến Tu viện Long Quang ở Huế tham dự Lễ Hiệp kỵ. Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, 8 tháng Giêng 2014, http://www.queme.net/eng/news_detail.php?numb=2207

⁸⁷ “Chính sách Nhà nước đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất”, lời chứng của ông Võ Văn Ái tại cuộc Điều Trần về Nhân Quyền tại Việt Nam ở Hạ Viện Hoa Kỳ, 14 tháng Tư, 2013. http://www.queme.net/eng/news_detail.php?numb=2046

⁸⁸ “Phái Đoàn Nghị Viện Anh Quốc bị ngăn cản không cho thăm viếng nhà lãnh đạo Phật Giáo Thích Quảng Độ” (“British Parliamentary Delegation is barred from visiting Buddhist leader Thich Quang Do”), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, Thông cáo báo chí bằng tiếng Anh, ngày 5 June tháng 6, 2013, http://www.queme.net/eng/news_detail.php?numb=2085

không an toàn.” Ở phần kết luận ông ghi nhận rằng “Vi phạm nghiêm trọng tự do tôn giáo hay tín ngưỡng là một thực tế tại Việt Nam”⁸⁹.

Những nghĩa vụ lãnh ngoại của Việt Nam chiếu theo Công Ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR)

Sau cùng, bằng chứng cho thấy các công ty Việt Nam hoạt động ở nước ngoài dính líu đến sự vi phạm nhân quyền một cách có hệ thống, làm cho môi trường thoái hóa và vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của các cộng đồng bị ảnh hưởng. Đây là trường hợp của các dự án đầu tư tại các đồn điền cao su tranh chiếm đất đai các nước láng giềng Lào và Cam Bốt⁹⁰.

Các quốc gia có các nghĩa vụ nhân quyền lãnh ngoại chiếu theo Công Ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR)⁹¹. Như được Ủy Ban CESCR soi sáng trong những nhận định kết luận gần đây, các quốc gia được ước định thực hiện những biện pháp đối phó với các tác động nhân quyền lãnh ngoại theo các chính sách của họ (hợp tác quốc tế, mậu dịch và phát triển, v.v...) cũng như tác động của các công ty hoạt động hay điều hành tại lãnh thổ của họ⁹².

Các Khuyến Cáo

Về sự vi phạm dai dẳng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa tại Việt Nam, hai tổ chức **Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền (FIDH)** và **Ủy Ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR)** thúc giục chính phủ Việt Nam :

Về Nền Tư pháp độc lập, tự do ngôn luận, và các quyền văn hóa

- Phóng thích tức khắc và vô điều kiện những người bị giam giữ vì bệnh vực hay hành xử ôn hòa các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của họ, kể cả việc thực hiện nền văn hóa truyền thống ; công bố danh tính của tất cả tù nhân bị giam giữ chiếu theo các điều khoản “*an ninh quốc gia*” và “*lạm dụng các tự do dân chủ*” chỉ vì hành xử ôn hòa các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và cho phép Hồng Thập Tự Quốc Tế và các nhà quan sát quốc tế khác đến thăm viếng họ ;
- Tái duyệt tức khắc các Điều 258, 79, và 88 trong Bộ Luật Hình Sự, cũng như tất cả các điều khoản quá bao quát khác (kể cả các điều khoản về an ninh quốc gia, mê tín dị đoan, quyền người dân được rời xứ sở) là những điều không phù hợp với sự bảo đảm nhân quyền nêu ra trong Công Ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR) ;

⁸⁹ Bản Tuyên bố Truyền Thông và Nhận định sơ bộ của Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Tự do Tôn giáo hay Tín ngưỡng, Hà Nội, tháng Bảy 2014.

<http://www.ohchr.org/EN/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=14914&LangID=E>

⁹⁰ “*Rubber Barons*”, Báo cáo của Global Witness <http://www.globalwitness.org/rubberbarons/>

⁹¹ Đặc biệt xin xem những Nguyên tắc Maastricht về các Nghĩa Vụ lãnh ngoại của các Quốc gia trong lãnh vực các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa. Những Nguyên tắc này đề cập đến các nghĩa vụ của các Quốc gia theo luật quốc tế và thông luật.

⁹² Xem các nhận xét kết luận của Đức (2011), Áo (2013) và Trung quốc (2014).

- Bảo đảm quyền tự quản của tất cả các tổ chức tôn giáo, như lời khuyến cáo của Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Tự Do Tôn Giáo hay Tín Ngưỡng ; phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của **Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất** (GHPGVNTN) và mọi tổ chức tôn giáo không được công nhận khác, cho phép họ hoạt động tự do không bị hạn chế hay sách nhiễu ; trả tự do cho nhà lãnh đạo GHPGVNTN **Thích Quảng Độ**, bị quản chế không lý do tại Thanh Minh Thiền Viện ở Thành Phố Hồ Chí Minh ;
- Chấp thuận pháp chế tôn trọng trọn vẹn quyền tự do lập hội, và tạo mọi thuận tiện cho việc thiết lập và hoạt động của các tổ chức Phi chính phủ (NGO) độc lập và các tổ chức xã hội dân sự ngoài khuôn khổ của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam để nâng cao sự bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ;
- Chấp thuận pháp chế tôn trọng trọn vẹn sự tự do hội họp ôn hòa và thu hồi Nghị Định 38/2005 cũng như Thông Tư 09/2005, cấm đoán việc tụ họp quá 5 người khi chưa được nhà chức trách cho phép ;
- Cho phép ấn hành báo chí độc lập và tái duyệt các điều khoản trong Luật Báo Chí, Luật Xuất bản, Nghị Định Liên Mạng Internet 72, và các pháp chế khác hạn chế sự hành xử quyền tự do nghiên cứu, khảo sát khoa học, và các quyền văn hóa ;

Bãi bỏ sự Kỳ thị

- Thi hành các khuyến cáo của Ủy Ban LHQ Về Sự Loại Trừ Sự Kỳ Thị đối với Phụ Nữ ;
- Gỡ bỏ cơ chế kiểm soát **Hộ khẩu** vốn tạo những trở ngại cho việc di dân từ thôn quê ra thành thị để được hưởng giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội khác, cũng như phân biệt đối xử các nhóm tôn giáo, chính trị, và dân tộc ít người, đúng theo các khuyến cáo của Ủy Ban Loại Trừ Mọi Hình Thức Kỳ Thị Chúng Tộc⁹³ ;
- Khởi sự cải cách chính trị để bảo vệ những công dân chống lại những ảnh hưởng tiêu cực này, và tạo lập bầu không khí đa dạng và đa nguyên chính trị để mọi công dân có thể tham gia vào tiến trình phát triển xã hội, kinh tế, trí thức, và chính trị tại Việt Nam ;
- Công nhận tính phổ quát và bất khả phân của nhân quyền, đồng thời phát huy và bảo vệ hài hòa các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, và văn hóa, như Chuyên Viên Độc Lập LHQ về Vấn Đề Nhân Quyền và Sự Nghèo Đói Quá Mức khuyến cáo ;

Quyền Nghiệp Đoàn

- Tu chỉnh Bộ Luật Lao Động cho phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế ; bảo đảm quyền nhóm họp và lập hội ôn hòa ;
- Cho phép thành lập các nghiệp đoàn độc lập đem lại mạng lưới an toàn vô giá nhằm ngăn chặn các hành xử kỳ thị và thiết lập những cơ chế thay thế nhằm bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa ;

⁹³ Các nhận xét kết luận của CERD, CERD/C/VNM/10-14, 9, tháng Ba 2012.

Thiếu Nhi

- Thu hồi tức khắc Thông Tư 11/2013 cho phép thiếu nhi từ 13 đến 15 tuổi được làm việc ;

Quyền Giáo Dục

- Bảo đảm tự do học thuật ; giới thiệu nhiều loại sách giáo khoa tại các trường học để bảo đảm việc giảng dạy môn lịch sử không căn cứ một chiều vào sách giáo khoa do nhà nước ấn hành ;
- Bảo đảm việc giáo dục nhân quyền tại các trường học và các đại học phản ánh tính phổ quát của nhân quyền ;
- Bảo đảm nền giáo dục miễn phí và cưỡng bách cho mọi trẻ em ;
- Thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm cho nền giáo dục tổng hợp, cũng như bảo đảm những trẻ em tàn tật có thể theo học tại các trường chính quy, các giáo chức được huấn luyện đầy đủ, và các trường học nhận được sự yểm trợ và trang bị đầy đủ, phù hợp với Ý Kiến Tổng Quát số 5 của Ủy Ban CESCR.

Quyền Y Tế

- Bảo đảm nhiều hơn sự chăm sóc y tế mà không có bất kỳ sự kỳ thị nào ; cải thiện phương tiện thực hiện quyền chăm sóc y tế dành cho những người tàn tật, kể cả các trẻ em mắc chứng tự kỷ ;
- Chấp thuận trên các quyền cơ bản trong việc tiếp cận giới ma túy và những người bị nhiễm HIV hầu chống lại sự sỉ nhục và kỳ thị vốn ngăn chặn họ tiếp cận với các cơ quan y tế ;

Lao động cưỡng bách và nạn buôn người

- Thực hiện chính sách mạnh mẽ hơn cùng những biện pháp lập quy để chống nạn buôn người trong giới lao động và khai thác tình dục ;

Các Sự Trục Xuất Cưỡng Bức và Chiếm Đoạt Đất Đai

- Chấm dứt tức khắc các vụ trục xuất cưỡng bức đang thực hiện trái với luật nhân quyền quốc tế, đặc biệt Công Ước về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR) và Ý Kiến Tổng Quát Số 7 về việc cưỡng bức trục xuất, cũng như các nguyên tắc căn bản và hướng dẫn việc trục xuất trên căn bản phát triển và dời cư được Báo Cáo Viên Đặc Biệt LHQ về Nhà ở tương xứng nêu ra như một thành tố của quyền được hưởng theo tiêu chuẩn đời sống ; bảo đảm pháp chế quốc gia phải công khai cấm đoán sự trục xuất cưỡng bức, ngoại trừ những ngoại lệ vô cùng hạn chế mới được thừa nhận, nhưng phải phù hợp với Công Ước về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR). Pháp chế và các biện pháp chính sách phải tôn trọng các thủ tục bảo vệ, như đã đề ra trong Ý Kiến Tổng Quát Số 7 của Ủy Ban CESCR.

- Thực hiện các bước tiền cần thiết để gỡ bỏ bất kỳ sự cản trở hành chính nào có thể ngăn chặn sự cấp phát các giấy chứng nhận sử dụng đất đai chung của chồng và vợ⁹⁴.

Mậu dịch, kinh doanh và nhân quyền

- Nghiên cứu tức khắc và thực hiện các biện pháp hữu hiệu làm giảm thiểu các tác động tiêu cực trong công cuộc cải mở kinh tế vốn dẫn tới sự cách biệt gia tăng trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, tuyển dụng, cũng như kinh tế, xã hội, và chính trị khác ;
- Chu toàn các nghĩa vụ chiếu theo luật nhân quyền quốc tế để bảo vệ chống lại những vi phạm nhân quyền do phía thứ ba thực hiện, kể cả các doanh nghiệp, và bảo đảm cho việc tiếp cận các cơ chế tư pháp và ngoại tư pháp cho những nạn nhân bị lạm dụng liên quan đến tổ hợp thông qua các chính sách, điều lệ và sự phán quyết tư pháp ;
- Chấp thuận trên các quyền cơ bản trong việc tiếp cận sự phát triển kinh tế, để bảo đảm sự tôn trọng các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa, kể cả quyền của mọi dân tộc ít người được tham gia và thương thảo trong tiến trình cấu tạo quyết định ảnh hưởng đến họ, bằng việc chấp nhận sự đồng ý trước của họ, cũng như sự thông hiểu của họ thông qua các thủ tục công bằng, thích đáng, và minh bạch.
- Bảo đảm các thỏa thuận mậu dịch và đầu tư đã thương thảo không làm phát sinh hay gây thêm trầm trọng cho những vi phạm nhân quyền. Đặc biệt, các thỏa ước này phải bao gồm các điều khoản bảo vệ và che chở để nhân quyền được bảo vệ, tôn trọng và hoàn mãn. Các thỏa ước cần phải bao gồm nghĩa vụ thường kỳ làm sáng tỏ và tiến hành tác động nhân quyền trong sự đánh giá cũng như cung cấp các cơ cấu hữu hiệu, kiện toàn để chu toàn cho những cá nhân hay cộng đồng lâm nạn, cũng như trừng phạt các trường hợp vi phạm. Các thỏa ước cũng không được gây cản trở nhà nước trong việc tôn trọng và hoàn mãn những nghĩa vụ nhân quyền, kể cả việc ban hành những biện pháp lập quy đòi hỏi.
- Bảo đảm các biện pháp giảm nạn nghèo đói, kể cả việc giảm thiểu bất bình đẳng trong sự phân chia của cải, phù hợp với những nghĩa vụ của Việt Nam đối với Công Ước về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR), và bản Tuyên bố về nạn nghèo đói năm 2001 của Ủy Ban CESCR ;
- Bảo đảm các nỗ lực đối phó nạn nghèo đói của các dân tộc ít người thực hiện theo quan điểm của họ, trong việc bảo tồn văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống và lối sống của họ, đồng thời tôn trọng các quyền sở hữu và sử dụng đất đai và lãnh địa có tính chất thiết yếu cho đời sống sinh nhai của họ ;
- Bảo đảm các biện pháp thích đáng và hữu hiệu để các công ty, kể cả công ty quốc doanh, tôn trọng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong các hoạt động của họ, kể cả khi họ hoạt động ở nước ngoài. Những biện pháp này bao gồm việc thiết lập một khung pháp lý rõ ràng, đoạn quyết bảo đảm hoạt động của các công ty này phải tôn trọng và thăng tiến nhân quyền để ngăn chặn mọi tác động tiêu cực trên các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ; đòi hỏi việc điều tra nhân quyền mà các công ty phải có nghĩa vụ đáp ứng ; chấp nhận nền pháp lý tương xứng và các biện pháp hành chính,

⁹⁴ Các Ý kiến Kết Luận của CEDAW, CEDAW/C/VNM/CO/6, 2 tháng Hai 2007, §9.

bao gồm việc chế tài, để bảo đảm trách nhiệm pháp lý của các công ty và chi nhánh của công ty khi các công ty này vi phạm các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa, kể cả những dự án ở nước ngoài của họ.

- Thực hiện một cách độc lập và quy mô sự lượng giá những tác động nhân quyền ưu tiên cho những dự án đầu tư trước khi chấp thuận.

Phê chuẩn các Công ước Quốc Tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá, và hợp tác với các thủ tục đặc biệt của LHQ

- Ký kết và phê chuẩn Nghị Định Thư tùy ý của Công Ước về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR), công khai công nhận thông qua tuyên bố chính thức, những khiếu nại liên quốc gia, và những thủ tục thẩm vấn chiếu theo các điều 10 và 11 của Nghị Định Thư tùy ý, và bảo đảm cho cá nhân hay các nhóm cá nhân không bị trả thù vì lý do thông tin liên lạc với Ủy Ban CESCER ;
- Ký kết và phê chuẩn Công ước quốc tế về Bảo vệ các quyền của mọi Công nhân di cư và thân nhân gia đình họ ;
- Phê chuẩn Công Ước về Quyền của Các Người Khuyết tật ;
- Phê chuẩn Công ước số 87 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về Tự do lập hội và Bảo vệ quyền tổ chức nghiệp đoàn, Công ước số 98 về quyền tổ chức nghiệp đoàn và thương lượng tập thể, Công Ước 105 về Cưỡng bức lao động, Nghị định thư năm 2014 trong Công ước Cưỡng bức Lao động (P029), và Công ước về những người giúp việc nhà (189) ;
- Thường trực gửi lời mời theo những Thủ tục đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền LHQ và hồi đáp những yêu cầu thăm viếng của Báo Cáo Viên Đặc Biệt về thăng tiến và bảo vệ Tự do Ngôn Luận và Tư Tưởng và Báo cáo viên đặc biệt về tình trạng những Người bảo vệ nhân quyền ;
- Tạo điều kiện cho các chuyên viên LHQ và các tổ chức nhân quyền độc lập trên thế giới được tiếp cận toàn vẹn trong mọi khu vực xã hội trong những cuộc thăm viếng.



Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam / *Vietnam Committee on Human Rights* ra đời từ lúc nào, và đã làm gì :

Quê Mẹ : Hành động cho Dân chủ Việt Nam, là tổ chức ra đời tại Paris cuối năm 1975 để tập hợp sự đấu tranh bảo vệ nền Văn hóa Việt Nam, và Nhân quyền, Dân chủ, mà **Tạp chí Quê Mẹ**, phát hành tại Paris tháng 2 năm 1976, là ngọn cờ đầu cho cuộc vận động quốc tế và liên kết năm châu của Người Việt Hải ngoại. Hai tổ chức thuộc Cơ sở Quê Mẹ là *Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam*, và *Ủy ban Cứu Sống Người Vượt Biển*.

Ủy ban Cứu Sống Người Vượt Biển xướng xuất chiến dịch “*Một Chiếc Tàu cho Việt Nam*” tại Paris vào tháng 11 năm 1978, mà **Tàu Đảo Ánh Sáng** đã ra Biển Đông vớt người và chăm sóc sức khỏe cho đồng bào tị nạn trên Đảo Poulo Bidong, dẫn đầu cho một loạt những con tàu khác ở Đức, Ý Đại Lợi, Na Uy... đi vớt Người Vượt Biển.

Đồng thời, **Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam (VCHR, *Vietnam Committee on Human Rights*)** cũng mở cuộc họp báo quốc tế đầu tiên tại Paris tháng 5 năm 1978 tố cáo chế độ Trại Tập trung Cải tạo và đàn áp nhân quyền, tôn giáo tại Việt Nam. Ủy ban đưa chế độ Cộng sản Hà Nội ra khiếu kiện trước LHQ ở New York ngày 30.4.1985 với một hồ sơ 500 trang tập hợp lần đầu những cuộc đàn áp nhân quyền hung bạo của chế độ Cộng sản trên các lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, và tôn giáo, gây chấn động thế giới ; hoạt động phá án tử hình cho nhiều nhà hoạt động tôn giáo, nhân quyền, và việc trả tự do đông đảo tù nhân Trại cải tạo ; bệnh vực cho giới lao động tại các nước Đông Âu và Liên xô cũ ; cũng như có mặt thường niên tại Hội đồng Nhân quyền LHQ để cập nhật hồ sơ nhân quyền Việt Nam, và tham gia đa số các Hội nghị Nhân quyền, Dân chủ trên khắp năm châu.